Năm thứ hai — Số 65
Tuần-lễ từ thứ tư 23 đến
thứ ba 29 Septembre 1942

TRI TÂN

Tòa báo: 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

Chuyên-san về vua LÊ THÁI-TỔ

Sắt đá thi gan với tháng ngày.
Gươm thần loang-loáng, khí tung bay...
Sóng hồ ầm nổi khi giông-tố:
Tưởng tiếng ai xưa thét gió mây!

HOA-BẰNG

0$20

Vua Lê Thái-Tổ
ĐÁNH ĐUỔI QUÂN TÀU

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

NĂM 1400 họ Hồ cướp ngôi nhà Trần, người Minh sang chiếm nước Nam, bắt dân làm tôi-tớ : pháp mạnh hình dữ, thuế nhiều việc nặng. Những người hào-kiệt trong nước, phần nhiều bị dử cho chức quan để yên-trí một nơi. Duy có ông Lê-Lợi (1) trí - thức hơn người, thông minh, cương - trực, không bị người Tàu dỗ ngọt cho quan-tước hay dọa nạt bằng uy-quyền. Ông là người khảng-khái, có chí dẹp loạn, thường nói rằng : «Người trượng-phu ở đời, nên dẹp yên nạn lớn, dựng được công to, để tiếng thơm nghìn năm. Việc gì lại cứ nhanh - nhẩu để người ta sai khiến ? » (chữ nho chép là : Hà nãi tiết-tiết vi nhân dịch sử hồ ?)

Bèn ẩn tích trong rừng núi, tiềm tâm về thao lược, mời hết những kẻ sĩ mưu-trí, chiêu - tập những dân lưu-ly phấn - khởi nghĩa-binh, thường bảo người ta rằng : «Ta cất quân cốt để đánh giặc, không phải chủ - tâm về sự phú-qui ; ta chỉ muốn cho sau này nghìn năm ai cũng biết ta không chịu làm tôi bọn ngược-tặc. »

Năm 1418, ông tự-lập làm Bình định-vương, dùng binh thường lấy lối cứng phải chịu mềm, mạnh phải chịu yếu, cho nên phần nhiều hay được. Những thành Nghệ-an, Thuận Hóa, Tây - đô, Đông-đô, đều sai văn - thần là Nguyễn-Trãi làm tờ hiểu-dụ, bảo rõ đường họa phúc, cho nên nhiều chỗ không phải đánh mà hàng được ; viện-binh của nhà Minh, bắt sống được hơn mười vạn, đều thả cho về ; trong mười năm (1418 1427) chống-cự với quân Tàu, tuy lắm lúc nguy - nan mà vẫn bền lòng phấn - đấu, đuổi được người Minh ra khỏi bờ-cõi và dựng thành nghiệp đế.

Trong mười năm ấy vua Lê-Thái-Tổ dùng những binh-pháp gì ?

Nhân sắp đến ngày kỵ là ngày hai mươi hai tháng tám, tôi lược dịch một vài đoạn sử chữ nho, trước là để kỷ niệm một bậc anh-hùng sáng nghiệp đã lấy lại quyền tự-chủ cho nước Đại Việt, sau là để tôn kính các tướng - sĩ đã gia công đánh dẹp, hết lòng với nước.

I. — Trận Lam-sơn

Tháng giêng năm mậu - tuất 1418, vua Lê-Lợi dấy quân ở làng Lam - sơn, chỗ quê ngài. Mùng chín tháng giêng, nội thần nhà Minh là Mã-Kỳ cất quân đến đánh. Vua Lê - Lợi bèn đem quân đến đóng ở Lạc-thủy, đặt phục binh để đợi. Ngày 13, quả - nhiên Mã - Kỳ đến. Vua Lê - Lợi cho phục - binh ùa lên, xông đánh, chém được hơn ba nghìn đầu giặc, bắt được binh - lương khí-giới kể hàng nghìn, rồi dời quân đến đóng ở núi Chí linh, chỗ Mường Giao-lão, thuộc phủ Trấn-định, tỉnh Nghệ-an.

Ngày 16, phụ-đạo ở sách (làng mọi) Nguyệt-ẩn là lũ tên Ái, dẫn đường cho quân nhà Minh, đi tắt đến đánh úp phía sau vua Lê Lợi, bắt được gia-thuộc của vua và vợ con quân dân rất nhiều ; quân sĩ dần dần chán-nản tan hết.

II. — Trận Ba-lẫm

Tháng mười năm 1420, vua Lê-Lợi lại thu-thập được nhân-tâm, đi từ đồn Nanh đến làng Thôi (Mường Xoi), châu Quì. Tri-châu là Cầm-Lạn dẫn tổng-binh nhà Minh là lũ Lý-Bân và Phương-Chính đem hơn mười vạn quân từ châu Quì thẳng đến làng Thôi. Vua Lê-Lợi phục binh ở Thi-lang đánh tan ; Bân và Chính chỉ chạy thoát lấy mình.

Tháng một, vua Lê - Lợi tiến quân đóng đồn ở sách Ba-lẫm, thuộc Lỗi-giang, Thanh - hóa (2),

Nhà in
TRI-TÂN
Nhận in đủ các việc
70, Bach-mai—Hanoi zône

khiêu chiến với quân Minh. Chức đô-ty của tướng tàu là Tạ-Phượng và Hoàng-Thành bỏ đồn Nga-lạc, chạy về giữ trại Quan du, để phòng bị thành Tây đô, đóng chặt cửa thành không ra. Vua Lê Lợi ngày đêm dùng nhiều phương đánh bức, để cho quân Minh khó nhọc, sai Lê-Sát và Lê-Hào đến đánh, chém hơn một nghìn đầu giặc, được đồ chiến-cụ rất nhiều. Từ bấy giờ thế giặc mỗi ngày một suy: vua Lê-Lợi bèn chiêu tập nhân-dân các nơi, những huyện bên cạnh đều nghe tiếng hưởng ứng, cùng nhau đánh bức các đồn.

Ngày 20 tháng 11 năm 1421, tham tướng nhà Minh là Trần-Trí đem các vệ quân ở Giao-châu và tướng tá hơn mười vạn, đánh vua Lê-Lợi ở cửa ải Kinh-lộng, thuộc sách Ba-lầm. Vua họp các tướng bàn mưu rằng: « Quân nó nhiều, quân ta ít; quân nó mệt nhọc, quân ta thong-thả. Binh-pháp bảo: được thua là tại tướng, chứ không phải tại quân nhiều hay ít. Nay quân nó tuy nhiều, mà quân ta được thong thả địch với quân nó đương mệt nhọc, chắc-chắn là được ». Đến đêm, chia quân đánh úp các đồn giặc, khua trống reo hò, chạy tràn lên, phá bốn đồn của giặc, chém được hơn nghìn đầu quân Minh Nhưng Trần-Trí vẫn khinh vua Lê-Lợi ít quân, mở đường trong núi đi lên, vua đặt phục binh ở cửa ải Ứng (3) để đợi. Đến trưa (giờ ngọ) Trần Trí quả-nhiên từ đường núi xuống, quân phục của vua giáp đánh, phá được. Trần-Trí lui. Gặp bấy giờ người Lào đem ba vạn quân và hai trăm voi, chợt đến đồn vua, nói rao lên là góp sức đánh Tàu. Vua tin, không đề-phòng, nửa đêm quân Lào đánh úp, vua thân-hành đốc chiến, từ một giờ đêm đến sau giờ sáng (từ giờ tý đến giờ mão), chém đầu giặc hơn một vạn, bắt được mười bốn con voi, thừa thắng đuổi mãi, đi gấp bốn ngày đêm, thẳng đến sào huyệt nó mới về (4).

III — Trận sách Khối

Tháng chạp năm 1422, vua Lê-Lợi đóng đồn ở Quan-du, thuộc châu Quan-hóa, tỉnh Thanh-hóa. Người Lào cùng với người Minh đánh đằng trước và đánh đằng sau; quân ta chết hại nhiều. Vua Lê-Lợi bèn lui về sách Khối. Vừa được bảy ngày, người Minh đem tất cả quân đến vây. Vua bảo các tướng-sĩ rằng: « Giặc vây bốn mặt, ta muốn đi thì đi đường nào? Trong binh pháp gọi thế ta tử-địa đấy: đánh mau thì còn, nếu đánh không mau thì mất ». Nói rồi, giỏ nước mắt; các tướng-sĩ đều cảm-kích, tranh nhau ra đánh. Lê-Lĩnh, Lê-Vấn, Lê-Hào, Lê-Triện thân hành ra trước hãm trận, chém được tham-tướng nhà Minh là Phùng. Qui và hơn nghìn đầu quân lính, bắt được hai trăm con ngựa. Mã-Kỳ và Trần-Trí chỉ chạy thoát lấy mình về Đông-đô. Quân Ai-lao cũng chạy trốn.

Vua Lê-lợi đem quân về đóng ở núi Chi-linh (Nghệ-an), quân-sĩ tuyệt lương, hơn hai tháng chỉ ăn rau cỏ. Vua giết bốn con voi và ngựa mình cưỡi để khao quân. Nhưng thường thường còn có lính trốn đi, vua bắt chém để người khác trông đấy mà sợ. Lúc bấy giờ thường bị nhiều nạn, quân-sĩ mệt nhọc, muốn nghỉ ngơi, đều khuyên vua hòa hiếu với nhà Minh. Vua bất đắc-dĩ phải giả-cách giảng hòa với Sơn-Thọ, Mã kỳ, Trần-Trí, để yên lòng dân.

IV — Trận Chà-lân

Nhưng vua Lê-lợi vẫn làm sổ những người đinh-tráng, sửa sang khí giới, nghiêm đội ngũ, dủ lương ăn. Mùa thu năm 1424, thẳng tới Nghệ-an, qua núi Bồ-lạp (Bồ-cử hoặc Bồ-đằng, Nghệ-an) ở châu Qui, gặp chỉ-huy nhà Minh là Sư Hựu và thổ-quan Cầm-Bành, tri-châu Chà-lân, đem năm nghìn quân đón trước; lại có tướng nhà Minh là lũ Trần-Trí, Lý-An, Phương-Chính, Thái-Phúc đem quân nối đến bức đằng sau. Trời sắp tối, vua Lê-Lợi cho nấp quân và voi ở trong rừng. Lũ Phương-Chính đến, vua thả quân ra đánh: người Minh bị tan vỡ; quân ta chém đô-ty là Trần-Trung và hơn hai nghìn sĩ tốt, bắt được hơn hai trăm con ngựa. Quân nhà Minh chạy lui; hôm sau vua đi đến trang Trịnh-sơn, châu Chà-lân, lại gặp Sư-Hựu, phá vỡ tan, chém Thiên-Hộ Trương-Bản và hơn một nghìn sĩ-tốt. Sư-Hựu chỉ chạy thoát lấy mình. Vua Lê-Lợi đem quân đến sách Mộc. Lũ Trần-Trí theo đến núi Trạm-hoàng; nhưng vì đã thua nhiều trận, không dám vào sâu, lui giữ thành Nghệ-an.

Tháng 11 năm 1424, vua Lê-Lợi sai người chiêu dụ Cầm-Bành

Vừa xuất bản

CHỮ NHO HỌC LẤY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn

Giá: 1 p. 00. Cước thường 0 p. 12. Cước đảm bảo 0p32

Thư và mandat để cho hiệu sách ĐÔNG-TÂY

195, phố Hàng Bông — Hanoi

Không gửi lĩnh hóa giao ngân

Bành cự mệnh, cùng với hơn nghìn quân lập đồn ở ngọn núi để đợi quân cứu viện. Vua đem quân đến vây. Tháng chạp Phương-Chính và Sơn-Thọ đến Nghệ-an, muốn cứu Cầm-Bành, mà không dám tiến, bèn đưa thư xin giải vây. Lúc bấy giờ Cầm-Bành giữ chặt cửa thành, hơn một tháng không hạ được. Vua Lê-Lợi nghe quân cứu viện đến với các tướng bảo rằng : « Cầm Bành khốn ách, lũ Phương-Chính nên kịp đến cứu mới phải, nay lại dùng dằng như thế, tất có ý sợ. Chi bằng giả cách cho hòa để xem tình thế, đi lại trong tuần nhật, Cầm-Bành thế nào cũng bị bắt sống ». Rồi làm thư, để trong bè, thả xuống dòng nước chảy xuôi, nói dối là muốn theo lời thỉnh cầu ; « nhưng về đến Thanh-hóa, bị Cầm-Bành ngăn lại ; nếu có lòng thương, xin phiền một chút, tạm lại hòa giải, để thông đường về ». Lũ Phương-Chính thấy thư, sai Trần Đức-Nhị chạy bảo Cầm-Bành hòa giải. Cầm-Bành biết quân viện không đến, mở cửa thành ra xin hàng : thế là châu Chà-lân được yên.

Vua Lê-Lợi ra lệnh trong quân rằng : « Cầm-Bành đã chịu hàng, thì một mảy không được phạm ». Đều tha hết các quân, không giết một người nào. Sau Cầm-Bành mưu phản, vua bèn giết.

Vua ủy-dụ các bộ lạc, lạo thưởng các tù trưởng, kén đinh tráng bộ ngũ, được năm nghìn người, thế quân càng nổi. Người Minh nghe Cầm-Bành đã hàng, bèn đánh núi Chà-lân : vua lại phá tan.

V.—Vây thành Nghệ-an

Vua Lê-Lợi muốn đánh thành Nghệ-an, nhưng chưa biết tình thế. Bấy giờ là cuối năm 1424, vua nhà Minh mới lên ngôi, sai nội quan là Sơn-Thọ đem lời nói dối để dỗ vua Lê-Lợi. Vua biết ý, nói rằng : « Giặc sai nói dối ta, ta nhân kế nói dối mà dùng, ấy cũng là việc làm được ». Bèn sai thông đường đi lại, dòm xem hư thực, để mưu đánh úp thành Nghệ-an. Lũ Sơn-Thọ biết kế của mình không thi hành được, bèn tuyệt đường tin tức đi lại. Bấy giờ vua lại sửa sang binh tượng, tiến vây thành Nghệ-an. Quân sắp đi, có tin báo người Minh sửa sang voi ngựa, thuyền bè ; thủy lục đều tiến. Vua Lê-Lợi chia hơn nghìn quân, sai Lê-Liệt từ đường tắt giữ huyện Đỗ-gia, thân đốc đại quân giữ chỗ hiểm để đợi. Vừa ba bốn ngày, quân Minh đến Lậu quán và Khả-lưu, mở các đồn ở dòng hạ lưu. Vua ở dòng thượng lưu : ngày thì trương cờ trống, tối thì đốt lửa, ngầm sai quân và voi đi qua sông, phục ở các chỗ hiểm yếu. Trời gần sáng, giặc đem quân đến đánh đồn vua. Vua giả cách lu dử giặc đến chỗ phục binh, giặc không ngờ, kéo quân vào sâu, thì phục binh bốn mặt xông lên đánh, vỡ tan : chém đầu giặc và chết đuối kể có hàng vạn. Ngày hôm sau, nhân chỗ núi, giặc đắp lũy để ở, không dám ra đánh nữa. Lúc bấy giờ lương của giặc còn nhiều mà quân ta không đủ mười ngày ăn. Vua bảo các tướng sĩ rằng : « giặc cậy lương nhiều, đóng chặt cửa làm kế lâu giài ; ta lượng ít, không thể cùng giặc chống lâu được ». Bèn đốt dinh, thả xuống dòng nước, giả cách chạy trốn, ngầm đi đường tắt, chực giặc đến thì đánh Người Minh cho là vua đã chạy, mừng lắm, bèn tiến quân đến đồn cũ của vua, lên núi đắp lũy.

Hôm sau vua đem quân khinh nhẹ ra khiêu chiến, giặc ra lũy để đánh, vua phục quân ở Bồ-ải để giữ hiểm, giặc không ngờ, đem quân ra đánh. vua bèn thả phục binh xông đến giáp đánh. Lê-Sát, Lê Lễ, Lê-Vấn, Lê nhân-Thụ, Lê-Ngân, Lê-Chiến, Lê tông-Kiều, Lê-Khôi, Lê-Bôi, Lê văn-An tranh nhau ra trước, để hãm trận, phá vỡ tan, chém đầu giặc không biết bao nhiêu mà kể ; thuyền giặc trôi ngang giòng nước, thây chết đuối lấp sông, khi giới bừa bãi trong núi, bắt được đô tỳ là Chu-Kiệt, chém được tướng tiên phong là Hoàng-Thành, bắt sống được quân giặc kể hàng nghìn. Trần-Trí và Sơn-Thọ thu những dư tốt, chạy về thành Nghệ-an. Vua Lê-Lợi thừa thắng, đuổi theo trong ba ngày đến dưới thành. Lũ Trần-Trí vào thành đóng cửa giữ chặt (5).

VI.— Lấy lại nước

Đại khái cái chiến lược của vua Lê-Lợi là như thế. Tuy gặp thời nhiễu loạn mà chí vẫn vững bền, tuy gặp thời cùng quẫn mà chí vẫn mạnh bạo. Khi nghĩa-binh nổi tiếng, tướng vũ như Trịnh-Khả, Lê-Xí, thường hiến mưu sâu, tướng văn như Nguyễn-Trãi, Văn-Linh, bày nhiều kế lớn ; cho nên thường lấy yếu chống mạnh, lấy ít chống nhiều, có khi đặt phục binh, đánh nghịch tặc như bẻ củi mục Tuy tướng nhà Minh mạnh dữ như lũ Liễu-Thăng và Lương-Minh, mà cũng bị hãm trận, trí mưu như lũ Hoàng-Phúc và Thôi-Tụ, mà cũng phải gông cùm. Hơn hai mươi năm quân Minh cướp bóc, vua Lê Thái-tổ quét sạch : đất nước lại đất nước Nam, nhân-dân lại nhân-dân Việt ; phong tục áo xiêm lại về chính thống, mối to giềng lớn lại được rõ ràng. Vua Lê Thái-tổ đã thành được cái công bỏ kẻ dữ trừ kẻ ác, lấy lại nước sau khi họ Hồ

Xem tiếp trang 7

Tụy-động, Chi-lăng, hai trận đại thắng của Bình-định-vương!

của Biệt-Lam TRẦN HUY-BÁ

I. — Trận Tụy-động

Xem bản-đồ số I

MÙA xuân năm mậu-tuất 1418, vua Lê-Lợi khởi binh ở Lam-sơn, Thanh-hóa, đánh quân Minh giòng-giã mấy năm. Tuy được thua nhiều trận, nhưng vẫn chưa giết hẳn được quân thù. Mãi đến năm bính ngọ 1426, sau khi lấy được đất Nghệ-an, ngài liền tiến quân ra đánh Đông-đô Hà nội, sai Trịnh-Khả, Lý-Triện, Đinh-Lễ, Nguyễn-Xí đem binh từ Thanh, Nghệ kéo ra để đánh Đông-quan. Vương-Thông được tin quân Bình-định-vương đã kéo ra, bèn hội tất cả quân-sĩ lại được mười vạn, chia làm ba đạo kéo đi các ngả để chống giữ.

Vương-Thông tự đem quân đến đóng ở bên Cổ-sở thuộc huyện Thạch-thất, phủ Quốc-oai, Sơn-tây; Mã-Kỳ đóng ở Thanh-oai; Phương Chính đóng ở Sa-thôi thuộc huyện Từ-liêm. Ba đạo quân ấy đóng liên tiếp nhau, đồn lũy san-sát, dài hơn mấy mươi dặm.

Bình-định-vương sai bọn Lý-Triện, Đỗ-Bí đóng ở Ninh-kiều đem quân và voi đến phục ở Cổ-lãm, rồi cho quân khiêu-chiến với Mã-Kỳ. Mã-Kỳ thúc tất cả đội quân ra đuổi đến cầu Tam-la ở giáp giới huyện Thanh-oai và huyện Từ-liêm bị phục binh của Lý-Triện đổ ra đánh cho một trận, quân Minh thua to, chạy xuống đồng-lầy, nên bị chém đến hơn một nghìn người. Lý-Triện thừa thắng, đuổi theo quân Minh đến làng Nhân-mục, lại bắt sống được hơn năm trăm người; còn có Mã-Kỳ một mình chạy thoát.

Lại một đạo quân của Đinh-Lễ và Nguyễn-Xí gồm ba nghìn quân và hai con voi kéo đến họp cùng đạo quân của Lý-Triện ở Cao-bộ (Chương-mỹ, Mỹ-lương ?), rồi chia quân ra mai-phục ở Tụy-động thuộc huyện Mỹ-lương và ở Chúc-động thuộc huyện Chương-đức. Chợt gặp một bọn quân của Vương-Thông đi lẻn ra đằng sau chực đánh quân Lý-Triện, Đinh-Lễ liền sai bọn quân mai-phục đổ ra đánh úp. Bấy giờ trời mưa, đường lầy, quân Minh vừa đánh, vừa chạy. Khi đến Tụy-động lại bị quân ta đổ ra đánh vây bốn mặt. Hai bên đánh nhau kịch-liệt. Quân ta chém được Thượng-thư nhà Minh là Trần-Hạp và Nội-quan là Lý-Lương. Còn quân-sĩ tàu thì chết không biết bao nhiêu mà kể: kẻ thì bị ngã xuống sông chết đuối; kẻ thì bị người ngựa giẫm xéo lên mà uổng mạng. Bên địch chết hại cả thảy đến hơn năm vạn người; còn hơn một vạn đều bị bắt sống. Quân ta lại bắt được quân nhu khí-giới của giặc rất nhiều. Thực là một trận đại-thắng từ khi Bình định-vương khởi đánh quân Minh đến giờ!

Trận Tụy-động này đã làm cho Vương-Thông lo sợ, vì thế-lực người Minh bấy giờ mười phần chỉ còn một hai, mà quân thanh của Bình-định-vương càng ngày càng thêm lừng-lẫy.

II. — Trận Chi-lăng

Xem bản-đồ số II

Sau khi Trần-Hiệp và Lý-Lượng bị giết ở trận Tụy-động, Vương-Thông kinh-hãi, vội cho người về tâu vua Minh. Triều-đình nhà Minh phải chấn-động và lo sợ trước thanh-thế của

Thống chế Pétain đã nói:

«Bản-chức nhủ quốc-dân: một trang Pháp-sử đã lật qua rồi. Thời dĩ-vãng đã chôn sâu. Nước nhà phải quyết chí quay về tiền-đồ với tấm lòng can-đảm, lương-thiện, kiên-nhẫn và đồng-tâm. Cứu-cơ ở nước nhà gửi ở đó».

Ai muốn viết thư trao đổi ý-kiến về các vấn đề tinh-thần xin gửi đến

M. Tứ-Hải

▼

Boite Postale N. 74 — Saigon

Giá báo

Mỗi số	0 p. 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin gửi tiền trước

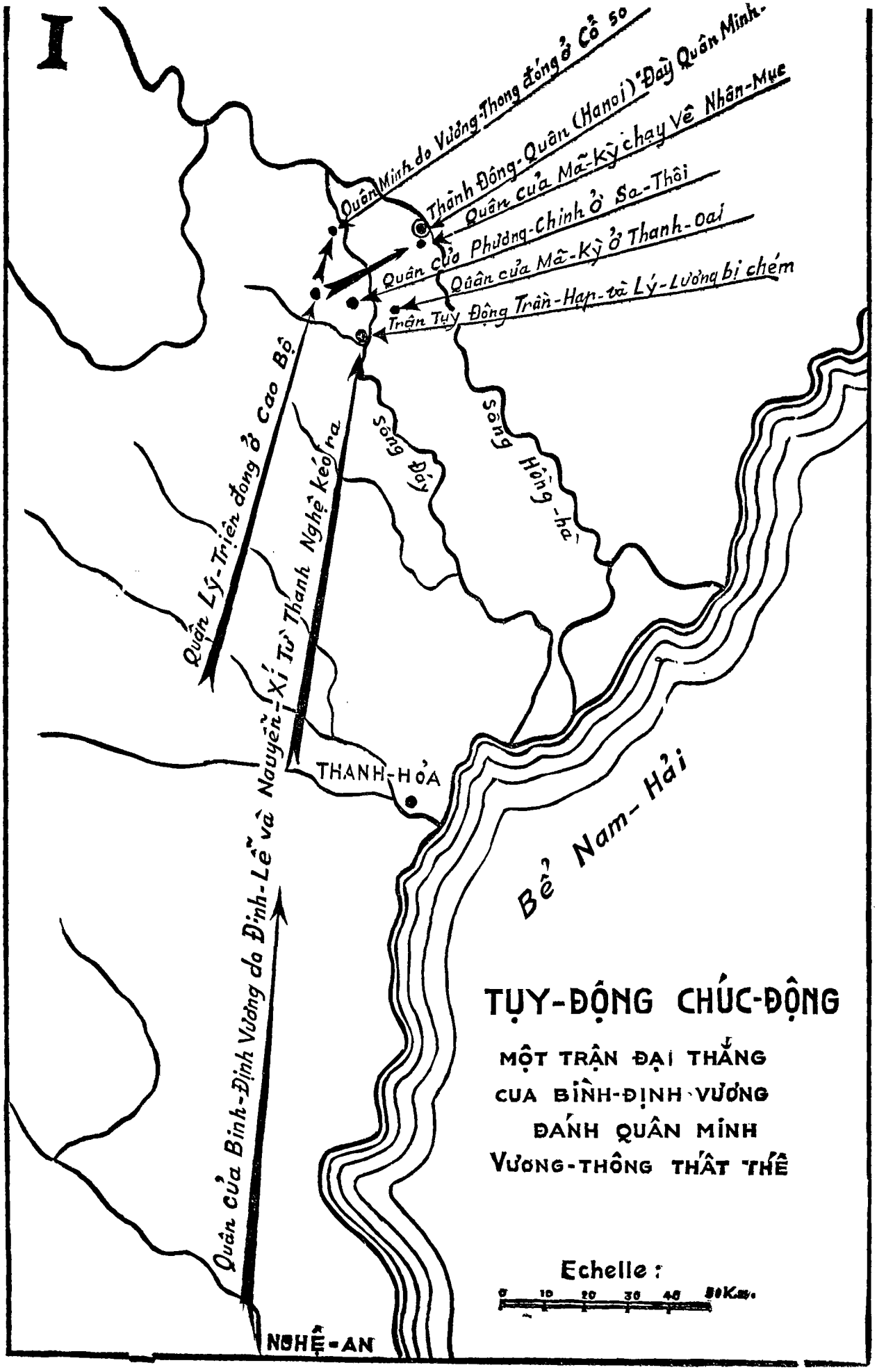
I
Quân Minh do Vương-Thông đóng ở Cổ 50
Thành Đông-Quan (Hanoi) "Đầy Quân Minh-
Quân của Mã-Kỳ chạy về Nhân-Mục
Quân của Phương-Chính ở Sa-Thôi
Quân của Mã-Kỳ ở Thanh-oai
Trận Tụy Động Trần-Hạp và Lý-Lương bị chém
Quân Lý-Triện đóng ở Cao Bộ
Quân Nguyễn-Xí từ Thanh Nghệ kéo ra
Sông Đáy
Sông Hồng-hà
THANH-HÓA
Bể Nam-Hải
Quân của Bình-Định Vương do Đinh-Lễ và
NGHỆ-AN
TỤY-ĐỘNG CHÚC-ĐỘNG
MỘT TRẬN ĐẠI THẮNG
CUA BÌNH-ĐỊNH VƯƠNG
ĐÁNH QUÂN MINH
VƯƠNG-THÔNG THẤT THẾ
Echelle :
0 10 20 30 40 50 Km.

Bình-định-vương. Vì thế vua Minh liền sai An-viễn-hầu Liễu-Thăng làm Chinh-lỗ phó-tướng-quân, Bảo-định-bá Lương-Minh, Binh-bộ Thượng-thư Lý-Khánh làm Tham-tướng, Đô-đốc Thôi-Tụ, Công-bộ Thượng-thư Hoàng-Phúc, Hữu-bố-chánh-sứ Nguyễn Đức-Huân đem mười vạn quân, hơn hai vạn ngựa, từ tỉnh Quảng-tây tiến sang đánh cửa Pha-lũy. Lại sai Kiềm quốc-công Mộc-Thạnh làm Chinh-Nam đại-tướng-quân; Hưng-An-bá Từ-Hanh, Tân-ninh-bá Đàm-Trung làm Tham-tướng, kéo đại-quân từ Vân-nam sang đánh cửa Lê-hoa. Bấy giờ là tháng chạp năm bính-ngọ 1426

Bình-định-vương được tin quân Minh kéo sang, liền sai Lê-Sát, Lê-Ninh, Lê-Thụ, Lưu Nhân-Chú và Đinh-Liệt đem một vạn quân và năm con voi phục sẵn ở cửa Chi-lăng tức là vùng Đồng-mỏ chỗ cây số 113km500 đường Lạng-sơn bây giờ để đợi quân Minh. Lại sai Lê-Lý và Lê Văn-An lục-tục kéo lên đánh giặc.

Ngày 18 tháng chín, quân Liễu-Thăng tiến đến Chi-lăng. Lê-Sát sai Trần-Lưu đem quân ra đánh, vừa đánh vừa lui. Liễu-Thăng thấy thế, mừng lắm, vội đem một trăm lính kỵ cùng mình cỡi ngựa đuổi theo. Tới chỗ đồng-lầy, quân Liễu-Thăng không đi được; phục binh bên ta liền đổ ra đánh, chém được Liễu Thăng ở núi Đảo-mã-pha bây giờ là Mã-yên sơn làng Mai-sảo châu Ôn. Bọn Lê Sát, Trần Lưu thừa thắng đuổi đánh quân Minh, giết được hơn một vạn người.

Bây giờ Lê-Lý cùng đem quân vừa tới, liền đuổi đánh Lương-Minh, giết được Lương-Minh ở giữa trận (giữa ngày 25). Lý Khánh tử trận (ngày 28, tháng chín, năm đinh-vị).

Bọn Hoàng Phúc và Thôi-Tụ đem bại binh chạy về Xương-giang xã Thọ-xương phủ Lạng-giang bây giờ. Khi đến nơi thì thành đã mất vào tay Trần Nguyên-Hãn, quân Minh đành phải lập trại giữa đồng để chống giữ.

Bình-định-vương lại sai Nguyễn-Xí, Lê-Khôi và Phạm-Vấn đem quân đánh úp quân Minh, giết được hơn năm vạn người, bắt sống được Hoàng-Phúc và Thôi-Tụ cùng ba vạn quân Minh.

Mộc-Thạnh đương cầm-cự ở cửa Lê-hoa, được tin ấy, cả sợ, kéo quân chạy. Quân Trịnh-Khả đuổi theo giết được hơn một vạn người và bắt được người ngựa đến hơn vài nghìn.

Vương-Thông đóng ở Đông-quan, được tin viện binh đã thua cả rồi, sợ-hãi quá, vội vàng viết thư xin hòa. Bình-định-vương thuận cho, rồi bắt Vương-Thông phải lập đàn thề ở phía nam thành Đông-quan, hẹn đến tháng chạp năm đinh-vị 1427 thời kéo hết quân về Tàu.

Bình-định-vương đánh đuổi quân Minh giòng-giã mười năm, đến trận này mới được toàn thắng, ca khúc khải-hoàn, thu lại giang-sơn đất Việt, dựng nền nhất-thống trong nước.

Biệt-lam TRẦN HUY BÁ

Vua Lê Thái-tổ

tiếp theo trang 4

tiếm vị, mà lấy lại ở trong tay người Minh, đến lúc đại định, ra bài đại cáo, lên ngôi hoàng đế, được thiên hạ như thế rất là chính đáng (6).

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

1. Vua Lê-Lợi sinh ngày mồng 6 tháng tám năm ất-sửu 1385, tức là năm thứ chín hiệu Xương-phù, đời vua Trần Đế-Hiện. Vua là người làng Lam-sơn, huyện Lương-giang, tỉnh Thanh-hóa, sinh ở làng Chủ-sơn, huyện Lôi-dương. Lam-sơn nay thuộc huyện Thụy-nguyên phủ Thiệu-hóa. Lôi-dương nay thuộc phủ Thọ-xuân. Làng Chủ-sơn nay là làng Thủy-chú (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 13, tờ 1 a). Vua ở ngôi sáu năm, từ năm 1428 đến năm 1433, mất ngày hai-mươi-hai tháng tám năm Thuận-thiên thứ sáu, tức là năm 1433. Thọ 49 tuổi Cựu-sử và *Lịch-triều niên-chương* chép: thọ 51 tuổi. Sách *Thông sử* của ông Lê Quí Đôn chép thọ 49 tuổi, thì đúng hơn.

2. Lỗi-giang là phân-lưu của Mã-giang, ở huyện Vĩnh-lộc, tỉnh Thanh-hóa, đuổi thông với sông Đại-lại (*Khâm định Việt-sử*, quyển 12, tờ 17b).

3. Cửa Ứng nay thuộc tổng Cổ-lũng huyện Cẩm-thủy, tỉnh Thanh-hóa (*Khâm định Việt-sử*, quyển 13, tờ 15 a).

4. Xưa nay vua Lê-Lợi vẫn kết tình hòa-hiếu với nước Ai-lao, không có hiềm khích bao giờ. Khi vua ở Lư-sơn, cùng người Minh chống nhau, vua Lào thường sai quân đến cứu. Sau ngụy-quan là Lê Văn-Luật trốn vào Ai-lao, sợ tuy-danh vua Lê-Lợi, mới gây hiềm-khích, cho nên đến thế (*Đại-Việt sử-ký toàn thư*, quyển 10, tờ 9 a).

5. Chép theo *Đại-Việt sử-ký toàn thư*, quyển 10.

6. Chép trong *Lam-sơn thực lục*, sách viết bằng chữ nho của Trường Bác-cổ, số A 26, tờ 34b.

Cùng các nhà đại lý

Nhiều nhà còn giữ Tri-Tân từ số 1 đến giờ chưa gửi giả nhà báo, vậy tiếp được tin này xin soạn giả hết những báo còn lại từ 1 đến 62. Nếu từ nay đến 10 Octobre 1942 mà bản chí không nhận được báo trả lại thì bản-chí coi như là những số ấy đã bán hết và sẽ tính tiền cả. Mong các nhà đại lý chú ý.

TRI-TÂN

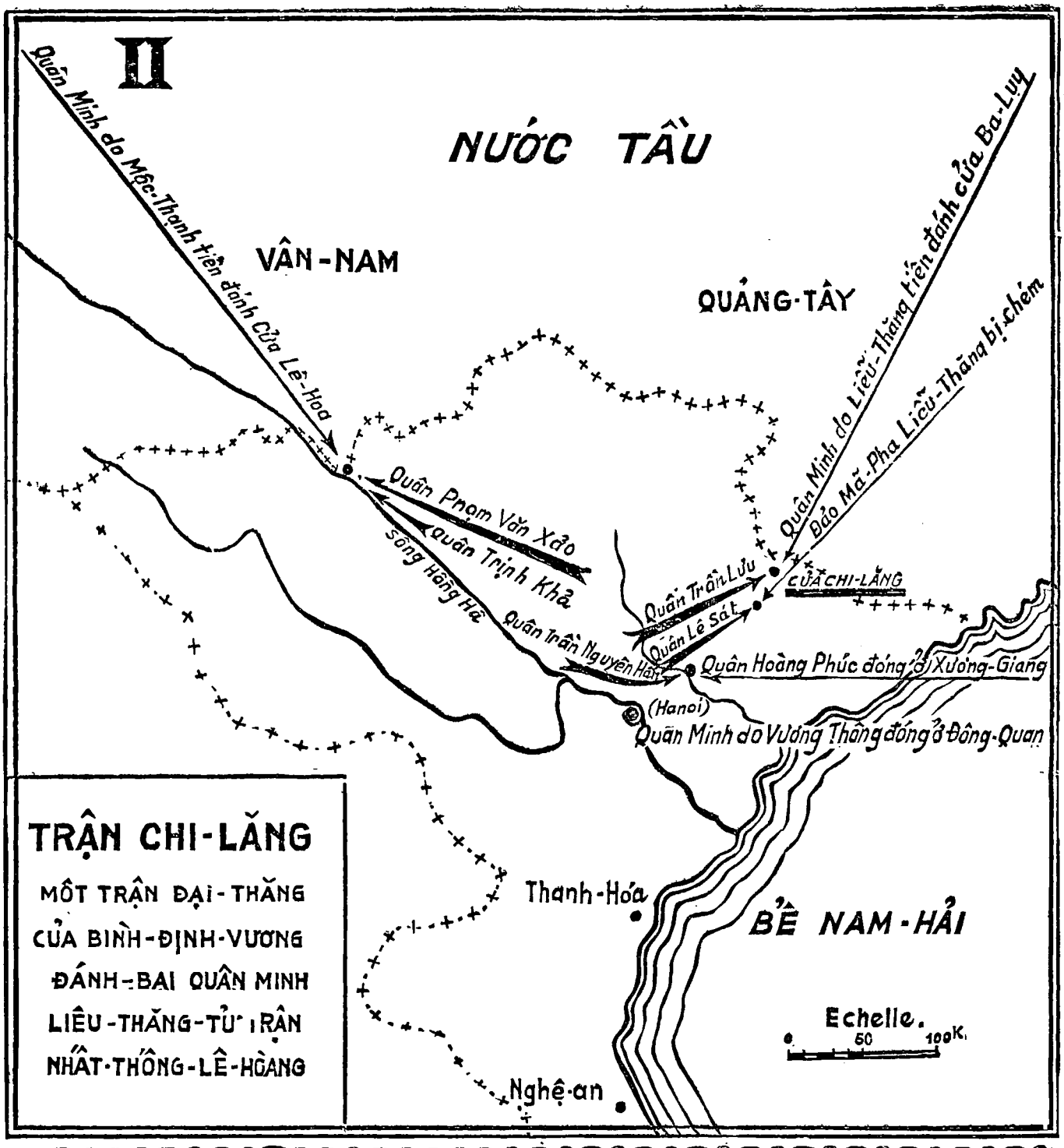

TRẬN CHI-LĂNG

MỘT TRẬN ĐẠI-THẮNG
CỦA BÌNH-ĐỊNH-VƯƠNG
ĐÁNH-BẠI QUÂN MINH
LIÊU-THĂNG-TỬ TRẬN
NHẤT-THỐNG-LÊ-HOÀNG

quyển đầu tiên trong «Tủ sách đẹp» của nhà xuất bản TÂN-VIỆT

VÀNG SAO

Tập văn xuôi đầu tiên của thi sĩ CHẾ LAN VIÊN
In toàn trên giấy vergé bouffant giá đặc biệt 2 p. 50.
Có in riêng làm 10 bản lụa đó giá 8 p. 00 mỗi bản và 2 bản giấy impérial d'Annam à la cuve giá 30 p. 00 mỗi bản.

Nhà xuất bản Tân-Việt 49 Takou — Hanoi

Còn một ít

Trong 99 Chóp núi

(Đinh nhật Thận với Thu dạ lữ hoài ngâm giá 1 p 00
Đời văn quyển II của Trần-thanh-Mại giá 0 95
Thanh niên trước thế giới mới giá 0 45
Thế giới mới giá 0 45
Một ngày của Tolstoi giá 0 50
Phê bình văn học, giá 0 95
Nghệ thuật làm việc, giá 0 50

Gia-đình và thân-thế
VUA LÊ THÁI-TỔ

của CHU-THIÊN

VUA Lê Thái-Tổ thuộc vào một gia-đình chuyên nghề làm ruộng ở cạnh rừng Lam-sơn trong làng Như-áng, huyện Lương-giang, nay là làng Lam-sơn, huyện Thụy-nguyên, tỉnh Thanh-hóa.

Tằng-tổ vua Lê húy là Lê-Hối là một người chuyên nghề thợ, lấy bà Nguyễn-thị Ngọc-Duyên, người trại Quần-đội, huyện Lôi-dương. Hai ông bà hiền-lành chăm-chỉ làm ăn. Ông thường qua lại chỗ Lam-sơn, thấy chim-chóc tụ-tập nhiều, và dân-cư đông đúc, ông bảo vợ rằng,

— Đây là một nơi quý-địa!

Hai vợ chồng liền đến làm nhà ở đấy. Ba năm sau sản-nghiệp đã to, xóm làng yên mến, tôi-tớ ngày thêm đông Mọi người đều tôn-phục, thường khen là *Nhất phương hào trưởng*. Ông đốc-suất khai núi phá rừng, làm lợi cho dân nhiều lắm. Ông bà sinh được một con giai là Lê-Đinh. Mất, hai ông bà đều chôn ở vườn Sòi thôn Hào-lương.

Về sau vua Lê lên ngôi, truy-tôn ông là Triệu-tổ Hoàng-đế và bà là Phổ-từ Hoàng-thái-hậu.

.·.

Ông tam-đại vua Lê tên là Lê-Đinh, nối nghiệp cha, mở-mang thêm đất đai cho dân làng, nhiều người theo nhờ, tôi-tớ kể đến hàng trăm. Ông lấy bà Nguyễn-thị Ngọc-Khuếch, người thôn Xuân-Lan, huyện Lôi-dương, sinh-hạ được hai con giai: Con cả là Lê-Tòng, con thứ là Lê-Khoáng Lê-Tòng đẻ được ba con gái rồi chết.

Lê-Đinh mất ngày hai mươi hai tháng mười, cũng được chôn vườn Sòi với hai ông bà Triệu-tổ Bà mất vào ngày hai mươi hai tháng sáu, chôn ở làng Thủy-chú bên huyện Lôi-dương.

Về sau ông được truy-tôn là Tuyên-tổ Phúc Hoàng-đế, bà là Trinh-từ Hoàng thái-hậu.

.·.

Hoàng-Khảo thân-sinh ra vua Lê là Lê-Khoáng lấy bà Trịnh-thị Ngọc-Thương, người làng Thủy-chú, huyện Lôi-dương Ông vẫn giữ chức hào-trưởng, tính nhân-từ, hay thương người nghèo-khổ trọng kẻ tài-năng, nên khắp vùng ai cũng mến phục. Bà lại cần-kiệm chăm-chỉ giữ tròn đạo vợ trong nhà vì thế lại càng phát-đạt Ông mất ngày mười bảy tháng mười, được thiên táng ở lăng Phật-hoàng trong động Chiêu-nghi. Về sau được tôn là Hiển-tổ Trạch hoàng-đế. Bà được tôn là hiền-từ Hoàng thái-hậu, cũng mất ngày mười bảy tháng mười khác năm chôn ở làng Đá-trắng thôn Chiêu-bố.

Ông bà sinh được ba con giai và ba con gái. Con cả là Lê-Học, con thứ là Lê Trừ, con út là Lê-lợi, tức vua Lê-thái-tổ vậy. Ba con gái là Ngọc-Ly, Ngọc-Triền, Ngọc-Biền.

Lê-Học mất sớm, chỉ sinh được một con giai là Lê-Thạch, sau này theo vua Lê khởi nghĩa lập được nhiều công. Ngày hai mươi tháng mười một năm Tân-sửu 1421, Thạch bị trúng tên chết trong một trận huyết-chiến với quân Lào. Sau được truy-phong là Trung-dũng vương và lập đền thờ gọi là đền Hiền-nhân trên sông Bái-thượng.

Lê-Học được truy-phong là Chiêu-hiếu vương và vợ là Thuận-y Thái-phi.

Anh thứ hai vua Lê là Lê-Trừ lấy vợ là bà Lê-thị Ngọc-Lăng, người làng Thái-lai sinh được hai con giai là Lê-Khiêm và Lê-Liêm. Lê-Trừ được tôn là Hoằng-dụ-vương và Lê-thị là Trinh-cần thái-phi. Khi mất, vua sai lập điện Hoằng-khánh thờ ở thôn Thái-lai.

Cách hơn một trăm năm sau khi nhà Lê-trung-hưng, vua

Xem tiếp trang 17

Nhà Minh đặt cuộc đô hộ và đắp thành

XƯƠNG-GIANG LÀM THẾ Ỷ-DỰC

NHẬT-NHAM

THÁNG hai năm Canh-thìn (1400), Hồ-quý-Ly bỏ vua Trần-Thiếu-Đế (1398-1400), tự xưng làm vua thay ngôi nhà Trần Nguyên họ Hồ là dòng dõi nhà Ngu bên Tầu, nên Quý-Ly đặt quốc hiệu là Đại-Ngu.

Quý-Ly làm vua chưa được một năm, muốn bắt chước tục nhà Trần, nhường ngôi cho con là Hồ-Hán-Thương, lên làm Thái-thượng hoàng để cùng coi việc nước.

Đến năm Giáp-thân (1404), Trần Khang từ mạn Lão-qua đi đường Vân-nam sang Yên-kinh, đổi tên là Trần-thiêm-Bình, xưng là con vua Trần-Nghệ-Tôn, dâng biểu tố-cáo việc Hồ-quý-Ly tiếm nghịch. Vua Thành-Tổ nhà Minh sai quan ngự-sử là Lý-Ỷ sang xét về việc ấy. Lý-Ỷ về tâu là họ Hồ đã làm điều thoán-đoạt như nhời Trần thiêm-Bình.

Từ đấy nhà Minh muốn mượn tiếng đánh họ Hồ để lấy đất Annam.

Họ Hồ biết thế nào rồi quân Minh cũng sang đánh, nên hết sức tìm cách chống giữ.

Tuy nhà Hồ đã phòng-bị, nhưng nhà Minh biết người An-nam không phục họ Hồ, nên sau khi quân nhà Minh chia làm hai đạo sang đánh An-nam, tướng nhà Minh làm hịch kể tội họ Hồ và công bố việc quân Tầu sang An-nam mục-đích lập dòng dõi nhà Trần lên làm vua, cứu cho dân-chúng khỏi nỗi lầm-than khổ-sở.

Trương-Phụ sai viết hịch ấy vào những mảnh ván nhỏ, bỏ xuống sông, trôi đến đâu, quân-sĩ Annam bắt được, đều không đánh và theo hàng nhà Minh; vì thế cho nên quân Minh đi đến đâu thắng đến đấy.

Sau nhiều trận thất-bại, Quý-Ly chạy vào Nghệ-An, khi đến cửa Kỳ-La (thuộc huyện Kỳ Anh Hà-Tĩnh), thì bị quân Minh bắt được. Hán-Thương và con cháu nhà Hồ đều bị giặc bắt ở núi Cao-vọng. Còn các quan nhà Hồ, người thì ra hàng, người thì phải bắt, người thì nhảy xuống sông tuẫn-tiết.

Thế là nhà Hồ làm vua từ năm Canh-thìn (1400) đến năm Đinh hợi (1407) được 7 năm thì mất.

Nhà Minh không phải vì nhà Trần mà sang đánh nhà Hồ, chẳng qua lấy cớ giúp nhà Trần phục ngôi mà đem binh sang đánh lấy nước Annam. Vì vậy sau khi đã bắt được cha con Hồ-quý-Ly rồi, nhà Minh bèn bày kế để chiếm đất An-nam: giả treo bảng gọi con cháu họ Trần, rồi bắt quan-lại và kỳ-lão làm tờ khai rằng: « Họ Trần không còn ai nữa và đất An-nam vốn là đất Giao-châu ngày trước, nay xin đặt quận huyện như cũ. »

Rồi từ đó nhà Minh chiếm giữ nước Nam, chia đất ra làm 17 phủ và 5 châu, đặt 12 vệ để phòng giữ những nơi yếu-hại, xây thành đắp lũy rất kiên-cố để phòng nội-biến.

Trong số các thành-trì, có thành Xương giang được liệt vào hàng xung-yếu, vì ở ngay cuống họng con đường sang Nam quan.

Thành Xương giang hiện nay còn di tích tại địa phận xã Đông nham cách tỉnh lỵ Bắc giang 2 cây số, vì vậy xã Đông nham vẫn thường gọi là làng Thành.

Giữa thời kỳ nội thuộc nhà Minh tướng Minh thấy miền Bắc là nơi hiểm-trở đã đào tạo nên nhiều tay anh hùng vũ dũng làm khó dễ cho cuộc đô hộ nhà Minh, bèn lo phòng thủ để tránh hậu họa.

Tại địa phận xã Đông nham (Bắc giang), tướng Minh sai đắp một cái thành bằng đất rất kiên cố, chu vi 1200 thước tây, địa-thế rộng 75 mẫu (27 vạn thước vuông), chung quanh có bốn cửa và bốn pháo đài. Trong thành có dinh thự, có cột cờ, có nhà giam, có kho hóc, có trại quân. Đắp xong, tướng Minh đặt tên thành là thành Xương Giang, rồi cho Lưu tử Phụ đóng ở quân đấy, sung chức Tri phủ cai trị nhân dân.

Lưu Tử Phụ vốn tham tàn gian ác, sách nhiễu dân chúng, vơ vét cho đầy túi tham. Dân ta phải điêu đứng khổ sở, tiếng oan chỉ muốn vạch trời mà kêu, lòng tức giận ngấm ngầm trong tâm can, chỉ mong có cơ hội để nổi lên đánh đuổi quan nhà Minh.

May lúc ấy, có một đấng anh hùng họ Lê tên Lợi từ Lam sơn (Thanh hóa) kéo cờ khởi nghĩa để chống với giặc Minh, tự xưng là Bình định vương.

Lúc đầu, tuy lực lượng còn ít, song dùng kế đánh được nhiều trận, rồi lui về núi Chí-linh ba lần và sau nhiều trận gian truân vất vả, Bình định vương lấy được đất Nghệ an. Rồi từ đó mỗi ngày một tăng thế lực, vẫy vùng khắp nơi, đánh ra mặt bắc.

Khi quân Bình-Định-Vương tiến đến thành Xương-giang, nhân-dân đều vui mừng hưởng-ứng. Quân

nghĩa đoàn của năm xã Thọ-xương, Hòa-yên, Nam-xương, Hà-vy và Đông-nham (Bắc-giang) ở ngoại-châu-thành bên phản lại quân nhà Minh và giúp quân Bình-Định-Vương vây thành Xương-giang. Nhờ thế mà Trần-nguyên-Hãn chiếm được thành, giết được viên Trì-phủ Lưu-Tử-Phụ và đuổi được hết giặc Minh ra khỏi thành.

Ngày 20 tháng 9 năm Đinh-mùi 1427, tướng Liễu-Thăng bị quân ta chém ở núi Đảo-mã-pha (bây giờ là Mã-yên-sơn ở làng Mai-sao châu Ôn, Lạng-sơn), quân Minh thiệt hơn vạn người, tướng nhà Minh kẻ thì tự tử, người thì chết trận. Còn bọn Hoàng-Phúc và Thôi-Tụ đem bại binh chạy về thành Xương-giang, định hợp với quân thành này và dùng lương-thực trong thành làm cách cố-thủ. Đi đến nửa đường, Hoàng-Phúc và Thôi-Tụ bị quân của Lê-Sát đuổi đến đánh phá một trận. Thôi-Tụ cố đánh lấy đường chạy về Xương giang. Không ngờ thành Xương-giang đã bị bọn Trần-nguyên-Hãn lấy mất rồi, quân Minh sợ hãi quá bèn lập trại đắp lũy giữa cánh đồng để chống giữ.

Bình-Định-Vương sai quân thủy bộ vây đánh và truyền cho Trần-nguyên-Hãn chặn đường tải lương của quân Minh. Vương lại sai Phạm-Văn, Lê-Khôi, Nguyễn-Xí đem quân thiết đội vào đánh chém quân Minh được hơn 5 vạn, bắt sống được Hoàng-Phúc, Thôi-Tụ và 3 vạn quân. Thôi tụ không chịu hàng, phải tử-hình Còn Hoàng-Phúc thì bị giải về Đông quan giao trả Vương-Thông.

Vương-Thông biết rằng viện-binh sang đã bị thua, sợ hãi quá, viết thư xin hòa Bình-Định-Vương thuận cho.

Sau khi đã giẹp yên bốn cõi, đem lại giang-sơn cho nước nhà, Bình-Định-Vương lên ngôi Hoàng-đế tức là vua Thái-Tổ nhà Lê.

Vua Lê Thái-Tổ truyền phá thành Xương-giang san làm bình-địa, chia địa-thế làm năm phần, thưởng cho năm xã Thọ-xương, Hòa-Yên, Nam-xương, Hà-vị, Đông-nham trước đã có công giúp nhà vua binh giặc Minh. Mỗi xã được hưởng một phần tức là 25 mẫu ruộng làm công điền để dùng vào việc tế tự Chỗ đất ấy ngày nay đã trở nên những ruộng phì-nhiêu, lại thêm có dẫn thủy nhập-điền, nên hoa lợi càng tăng-bội. Những ruộng ấy thường gọi là ruộng điền thành, hàng năm đấu tố sung vào công quỹ các xã trên để làm các việc công-ích.

Giữa bốn góc thành, vẫn còn bốn thửa ruộng hình tròn là di tích bốn cái pháo đài xưa của nhà Minh dùng vào việc phòng thủ.

Ngày nay, tuy thời thế có biến thiên, mà số ruộng điền-thành còn đó để chứng nhận công cuộc dự-chiến của năm xã xưa đã từng hi sinh để giúp vua Lê-Thái-Tổ kéo dân-tộc ta ra khỏi vòng nước sôi lửa nóng. Vậy ngày nay một khi ta kỷ niệm công đức vua Lê, ta cũng nên nhớ đến tiền nhân 5 xã vùng Giang-Bắc với cái chiến công oanh-liệt quanh thành Xương-Giang về đầu thế-kỷ thứ 15.

NHẬT-NHAM

Lam-sơn quang phục

(Lối thơ Nam-đàn bát châu)

Dưới ách nặng người Minh đô-hộ,
Núi sông nhòa, cây cỏ úa rầu-rầu,
Trẻ già đều hóa ngựa trâu,
Ngẩn-ngơ chim Việt, âu-sầu cánh Nam.
Phúc đất nước, rừng Lam gây nghiệp mới;
Oai tổ tông, sông Hát rửa thù xưa.
Lạc Hồng mầm lại mởn-mơ,
Nước mờ thêm sáng, non mờ thêm tươi.

CÁCH-CHÍ

Giới thiệu

Thi văn tập trích lục của Phan-mạnh-Danh.— Tiếng cụ Phan mạnh-Danh, nhiều người đã biết. Quyển But hoa của cụ in ra năm ngoái, đã được các bậc thức giả hoan nghênh. Cụ mới mất ngày tháng tư vừa rồi, nay các con cụ đem xuất bản tập di cảo cụ lấy tên là *thi văn tập trích lục*, gồm các thơ văn vừa nôm, vừa chữ, tả tình, vịnh cảnh, đề sách v.. v... của cụ làm ra trong khoảng hơn 50 năm nay, đọc rất khoái-trá. Sách dày ngót 150 trang in đẹp. Giá bán 2 p. 20

Nhà văn hiện đại của Vũ ngọc-Phan — Bộ này gồm 4 quyển, mới có quyển I gồm những nhà văn hồi mới có chữ quốc ngữ, nhóm Đông Dương tạp chí và nhóm Nam-Phong tạp chí.

Trong quyển này, ông Phan đã khéo nhận xét mà phê bình rất xác đáng những tác-phẩm của các nhà văn đó. Sách dày 200 trang. Giá bán 2 p. 00 Nhà Tân-Dân xuất bản.

Trên đường nghệ thuật của Vũ-ngọc-Phan. — Nghệ thuật ông Phan nói đây là nghệ thuật viết, cách muốn trở nên một nhà văn, một nhà viết báo. Trong hơn 180 trang giấy bản, tác giả đã nói đến những ảnh hưởng của văn hóa Tàu, đặc tính của nó, của văn chương Pháp, văn chương Anh, văn chương Việt-nam, tiểu thuyết, thơ, văn đề dịch thuật, lịch sử ký sự, lịch sử tiểu thuyết, phương pháp viết sử, phê bình với bút chiến, rồi kết luận: dù muôn ngả, nhưng trên đường nghệ thuật, nhà văn vẫn phải tìm lối sáng nhất để đi. Thực là quyển sách soạn công phu. Sách do nhà Nguyễn-Du xuất bản. Giá 1 p. 50 KHÁI-SINH

Những lời hay của VUA LÊ THÁI-TỔ

HOA-BẰNG

VUA Lê đuổi giặc Minh, phục nước Việt, công đức cao vượt cổ kim, nghìn thu thơm lây đến cả đá Lam sơn, hồ Tả-vọng. Việc làm ấy của ngài, trong số báo này, đã có nhiều bài nhắc đến.

Nay tôi chỉ xin thuật lại những lời hay của ngài.

Như các bạn đã thấy, ngoài câu ngài nói khi người Minh dụ ngài làm quan : « Tài trai sinh ra ở đời nên giúp nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm nghìn thủa, chứ sao lại xoăn-xoe để người ta sai khiến ? » (1), còn có nhiều câu gia-ngôn khác đáng nêu ra để các bạn biết đến tâm-tư, ý-tưởng và khí phách của bậc đại anh-hùng hoàng-đế ấy :

Năm Bình-định vương thứ mười, 1427, ngài có hiểu-dụ tất cả quân dân trong nước rằng : « Chưa trừ được kẻ kình-địch, chưa làm cho sinh-dân được thỏa, về phần các ngươi, các ngươi có yên lòng không ? Xưa, họ Hồ vô đạo ; người Minh lấy nê, sang xâm : Xưu thuế nặng, hình-phạt hà-khốc. Mắc phải vào vòng bạo-ngược của người Minh, các ngươi thù-hằn họ mà cùng nổi dậy. Nay việc đã gần xong, đừng để công-lao đắp núi phải dở-dang vì thiếu một sọt đất ! Vả, chỉ phải gắng sức vất-vả một năm mà được vui hưởng thái-bình muôn thủa : các ngươi hãy cố lên ! » (2).

Cùng năm ấy, ngài có ban ra ba điều để răn dạy trăm quan :

« 1 — Chớ vô-tình ;
« 2 — Chớ khinh lờn ;
« 3 — Chớ gian-tham ». (3)

Tháng chạp năm Bình-định vương thứ mười (1427) ngài đã quét sạch giặc Minh, rộng tha cho bọn Vương Thông được kéo quân về Tàu, vui lòng cấp cho chúng 500 thiếc thuyền, 2 vạn con ngựa và đủ cả lương-thảo, lại thả cho về hơn 2 vạn tù-binh hoặc bị bắt, hoặc xuống hàng.

Trước tấm lòng nhân-từ khoan hồng ấy của ngài, người trong nước nghĩ trái lại, vì căm giặc Minh bấy lâu đối-đãi tàn-ngược với dân ta, nên khuyên ngài giết sạch đi cho hả giận. Nhưng ngài không nghe, bảo cho nhân-dân và tướng sĩ biết rằng : « Rửa thù, trả oán vẫn là tình thường của mọi người ; nhưng không nỡ giết hại, ấy là bản-tâm của người nhân. Vả, người ta đã hàng mà mình giết đi thật không còn điều gì chẳng lành hơn thế ! Với đằng làm cho hả giận một lúc để mang tiếng muôn đời là giết kẻ đã hàng, sao bằng cho sống muôn ức mạng người để dẹp tắt mối chiến-tranh về sau : sử xanh ghi chép, tiếng thơm để mãi nghìn thu, há chẳng tốt sao ? » (4).

∴

Sau khi đã ca khúc khải-hoàn, ban bài « *Bình Ngô đại cáo* » của cụ Nguyễn Trãi ra khắp trong nước, vua Lê Thái-Tổ lên ngôi hoàng-đế, vui ngắm tấm gấm non sông do chính tay mình đã dệt, nhưng ngài vẫn không quên những chén cay đắng mà ngài đã rốc trong vòng bao năm « nếm mật nằm gai », nên đã thốt ra những lời đầy kinh-nghiệm :

Có khi rảnh tay chính-sự, vua Lê cùng quần thần đàm-luận về lý-do xưa nay hưng vong đắc thất và cái cớ tại sao giặc Ngô thua, tại sao vua dấy lên được.

Quần thần đều nói : « Người Ngô hình-phạt thì dâm-bạo, chính-sự thì tàn-ngược, làm mất lòng dân quá. Nhà vua trái lại thế : lấy nhân đức thay bạo-ngược, lấy hòa bình đổi rối-ren, nên mới thành công được mau-chóng».

Vua Lê nói : « Các khanh nói thế dẫu cũng phải lý đấy, nhưng chưa hết nhẽ. Ta xưa, gặp cơn loạn-lạc, phải náu dấu vết ở Lam-sơn, chỉ muốn cầu toàn tính mệnh mà thôi, chứ vốn không có lòng định lấy thiên-hạ. Kịp khi giặc Ngô càng ngày càng làm quá lắm, dân không chịu nổi. Những người có tri-thức đều bị hại hết ! Dẫu khánh-kiệt gia-tài để phụng-sự họ, mong tránh khỏi vạ, thế mà lòng họ vẫn muốn hại ta, có nới chút nào đâu ! Việc khởi nghĩa binh, ta cũng là không đừng được mà phải làm đó.

« Đương khi đó, ta phải ngụ ở nơi khác ; vợ con thân thích mỗi người phải tản lạc một nơi. Ngày không đủ no hai bữa, áo mặc không chia thứ hè hay thứ đông.

« Lúc ở Linh-sơn : lương hết, quân trốn. Trời làm khổ lòng ta và thử thách trí lự ta đến thế là cùng !

« Ta thường bảo các tướng sĩ rằng : gặp nhiều nạn thì nước mới hưng thịnh ; mắc lo nghĩ thì người mới nên khôn. Sự khốn khó ngày nay chính là Trời thử ta đấy. Các khanh nên giữ tấm lòng ban đầu cho vững bền, cẩn thận đừng có vì thế mà nản chí. Thế mà tướng sĩ vẫn cứ bỏ trốn dần dần. Trong số mười người theo ta, đến lúc hoạn nạn, không còn lấy được một, hai. Hạng phản bội mà bỏ đi kia nhan nhản ra đấy. Trong lúc bấy giờ, liệu đâu được có ngày này.

« May mà Trời chán kẻ ác. Phàm những điều giặc muốn làm khốn ta thì lại làm cho chí ta càng thêm hăng hái ; những điều giặc muốn làm cùng quẫn ta thì lại làm cho lòng ta càng thêm vững bền. Nhờ lương của giặc mà quân sĩ trước kia túng đói, lại được nhiều thêm lương thực ; nhờ quân của giặc mà quân lính ta xưa tan trốn lại làm cho giặc giở dáo đánh lẫn nhau. Phàm cung, tên, thương, mộc của giặc tức là chiến cụ của ta, phàm vàng, bạc, của báu của giặc tức là quân nhu của ta. Việc họ muốn để hại ta thì trở lại hại họ; điều họ muốn để đánh ta thì lại hóa để đánh trả họ.

« Chẳng những vậy, lại như nước Ai-lao, vốn là nước láng giềng của ta, trước kia vẫn đi lại giao hiếu. Xưa ta bị giặc Minh làm khốn, ta kéo quân đến nương nhờ nước ấy, tưởng rằng nước ấy với nước ta như môi với răng, tất là dung nạp. Nào ngờ họ thông tin với giặc, ngầm bày cái mưu giảo quyệt để bắt vợ con của chúng ta. Nhưng để đối phó với họ, ta có thừa sức một cách dồi dào.

« Cho nên ta có thể dùng đất của họ làm nơi giấu quân của ta, nhân cái hiểm của họ làm nơi hiểm yếu để ta đánh giặc. Đó là binh pháp bảo *lấy khách làm chủ, lấy chủ làm khách*, đấy chăng ?

« Nhưng ta, đối với ai, cũng xử hết lòng thành thật, thà chịu người phụ mình, chứ không làm mình phụ người. Hoặc giả có kẻ vì bất bình một việc nhỏ, mà sinh khác bụng, ta cũng rộng dong để cho ăn năn đổi lỗi. Dẫu đối với kẻ lật mặt làm ra thù hằn, ta cũng vẫn coi như tâm-phúc mà tin dùng, nên hễ ai biết đổi lỗi thì êm ngay. Đối với ai, ta cũng không có ý cầu toàn trách bị bao giờ.

« Bởi vậy, ta dẫu trải bao hoạn nạn, nếm bao gian nan, nhưng vẫn giữ vững được lòng, không vì việc nhỏ mà quên nghĩa lớn, không vì thấy cái gần mà xao lãng cuộc mưu tính xa. Trong khoảng vua tôi, xử với nhau bằng tình nghĩa, coi nhau như cốt nhục, không có hiềm nghi gì hết. Ấy cho nên mới phục được lòng người, mà ai cũng vui về qui phụ.

« Dẫu vậy, trong vòng hoạn-nạn, thập tử nhất sinh, thường gặp nhiều phen nguy-khốn. Ngày nay làm được xong công, nên nghiệp, là nhờ Hoàng-thiên vừa giúp và do tổ-tông ta chứa nhân dồn đức đã lâu, âm phù mặc tướng mà được đến thế.

« Đời sau, con cháu ta được hưởng phú quí, phải nên nghĩ đến tổ tông ta chứa nhân tích đức đã bao lâu và công ta nhọc nhằn khai sáng cơ nghiệp. Họ được mặc đồ gấm đẹp, bông êm, phải nên nghĩ đến ta thuở xưa ăn bận lam-lũ, không đủ áo mát, áo ấm. Họ được ăn đồ cao lương mỹ vị, phải nên nghĩ đến ta xưa hết lương ăn hàng tuần hàng tháng, nhịn đói, nhịn khát. Họ được thấy cung-điện lộng lẫy huy-hoàng, phải nên nghĩ đến ta đã trốn nấp ở nơi rừng núi, nằm trên cát, ngủ trong tuyết. Họ được ngắm cung-tần nhiều và đẹp, phải nên nghĩ đến ta xưa vợ con tan tác, mỗi người trốn tránh một nơi. Nên biết rằng Trời dẫu ưa, nhưng vận mệnh vẫn là bất thường. Vậy tất phải nhân cái khó mà nghĩ làm cái dễ. Việc vẫn khó thành mà vẫn dễ tan. Phải cẩn thận từ lúc ban đầu mà toan tính cho được nên trọn ở lúc cuối cùng. Phải phòng ngừa cái mối họa-loạn hoặc vì ham sự yên vui mà dấy lên ; phải răn cái ý kiêu-căng xa-xỉ hoặc bởi dật lạc mà sinh ra. Tất như thế, ngõ hầu mới khá được. Nghĩ đến việc làm trước, ta rất mong ở con cháu sau » (5).

∴

Sau khi đã mời các bạn dự nghe ít lời nói hay của vua Lê, tôi xin mượn câu chuyện sau này làm kết-luận :

Hồi Lương khải-Siêu sang du-lịch bên Âu-châu, có mấy nhà danh sĩ bên ấy trách Lương rằng :

« Nhà các anh có thứ của báu quí thế mà cứ giấu đi, không đem ra ban phát cho mọi người thì đối với người sao tiện » ?

Rồi Lương nghĩ : muốn người ngoài khỏi trách là giấu của báu của nhà, thì nên đem những lời hay, những tư tưởng đẹp của tổ-tiên mà giới-thiệu cho người đời biết đến.

HOA-BẰNG

1 — *Khâm định Việt-sử*, quyển XIII, tờ 1 b.
2 — *Khâm định Việt-sử*, quyển XIV, tờ 13.
3 — *Khâm định Việt-sử* quyển XIV tờ 13 b.
4 — *Khâm định Việt-sử* quyển XIV, tờ 24 b — 25 b.
5 — Phần cuối sách *Lam sơn thực lục*.

TRẬN GIẾT LIỄU-THĂNG

Kịch ngắn bằng thơ : 3 cảnh

của ĐỖ HOÀNG-LẠC

NHÂN-VẬT:

Lê-Lợi — Nguyễn-Trãi — Lê-Sát — Đinh-Liệt — Lê-Lý — Lê Văn-An
Lưu-Nhân-Chú — Thám-tử — Trần-Lưu — Liễu-Thăng — Lương-Minh.

Cảnh I

Cảnh dinh trại : Lê Lợi — Chư-tướng — Thám-tử

Lê-Lợi. — *Hồn Đại việt, non sông cao cả,*
Gánh cơ đồ vạn cổ của tiên-vương,
Trải muôn năm xã tắc hùng cường,
Đâu để nhục tiếng con Hồng, cháu Lạc !
Thề chẳng đội chung trời cùng Minh tặc,
Lưỡi gươm vàng quyết rửa hận cho giang-san
Máu anh-hùng sùng sục trong tâm-can,
Nguyện một chết để đền thân cho tổ-quốc,
Càng nhớ lại, càng thù quân đất Bắc :
Hết Hán, Đường tàn ác quấy muôn dân
Đến Tống, Nguyên nhiễu-hại biết bao lần,
Trăm họ lầm-than trong đạn lửa.

Lê-Sát. — *Nhưng nòi giống đất trời còn tựa,*
Khiến Trưng-vương khởi nghĩa đất Mê-linh,
Đuổi chàng Tô mất vía khỏi Biên-thành,
Binh tướng Hán một phen kinh gái Việt.

Đinh-Liệt. — *Dưới cái ách quân Đường càng cay nghiệt*
Phẫn lòng dân, Mai tướng dậy binh-đao,
Đất Hoan-châu nổi tiếng khách anh-hào,
Danh Bắc-đế chưa mờ trên đỉnh Vệ (1)
Phần đô-hộ tham-quan càng nặng thuế,
Uất Phùng-Hưng khởi nghĩa quận Đường-lâm ;
Cao-Chính-Bình thọ bệnh bởi kinh-tâm,
Chầu Diêm chúa con ghê danh Bố cái.

Lưu-nhân-Chú. — *Lũ giặc Bắc, tái tham không đáy*
Ỷ oai hàm mùa vuốt với Ngô vương,
Mắc kế thần, máu đỏ nhuộm Đằng giang
Đầu Hoằng Thao đã kinh hồn Nam Hán đế.

Lê-Lý. — *Năm ất mão, Lý triều ta ngạo nghễ*
Mười vạn binh thủy bộ đánh hai châu (2),
Côn lôn quan, Trương thủ Tiết rơi đầu,
Giáp Lý tướng dầm trong hồ máu đỏ.
Gươm còn khát, ngựa còn say lướt gió,
Thẳng Ung châu, thế mạnh tựa như dông,
Tướng Tam Đa đành chết với lửa hồng,
Khắp cõi Bắc khiếp uy Thường Kiệt.

Lê-Văn-An. — *Nhưng bấy nhiêu trận cũng chưa oanh liệt*
Bằng chiến công rực rỡ của nhà Trần :
Đã hai phen Mông cổ đến xâm lăng
Với năm mươi vạn hùng binh nghiêng trời, lệch đất,
Vạn hùng binh nghiêng trời, lệch đất.
Biết bao lần rừng động, núi lay
Dưới chân bon kỵ mã suốt đông tây,
Không ngọn cỏ đáng thương nào sống sót !
Thế mà, Hưng đạo vương, ngài không hề hoảng hốt,
Dẫu thế cùng, phải thất thủ đô thành,
Trở sơn hà, thề quyết chẳng lui binh,
Thù tổ quốc, khắc tay lời « Sát Thát ».
Hồn chiến sĩ, nặng mang niềm Xã tắc :
Hàm tử quan cả phá lũ Nguyên binh,
Bến Chương dương khắc phục đế kinh,
Trận Tây kết, Toa Đô về chín suối ;
Nguyên Thống soái, Thoát Hoan đà sức đuối,
Chui ống đồng, Vạn kiếp thoát thân ;
Ô Mã Nhi mắc kế Bạch đằng,
Ôi ! thiên binh vạn mã không cọn con đỏ !
Trang thanh sử vẫn ghi công thiên cổ !

Nguyễn-Trãi — *Nay chúng ta nên theo dấu của tiền nhân*
Nợ quốc gia là nợ của thần dân,
Dẫu da ngựa bọc thây nơi chiến địa,
Thì dưới cửu tuyền cũng vui vì đại nghĩa.

(Thám tử vào)

Thám-tử. — *Bẩm chúa công quân giặc có cứu binh,*
Tướng Liễu Thăng thống soái đạo viễn chinh
Phạm Phá lũy, ngựa người hơn mười vạn ;
Lê hoa ải cũng đã vùi trong lửa đạn,
Lão giặc già Mộc Thạnh quyết giải vây.
Xin chúa công kíp kíp liệu tranh tài.

(lui ra)

Lê Lợi. — *Hay cho Minh tặc vẫn chưa ghê lần kiếm Việt*
Lưỡi gươm vàng còn khát máu nhà bay,
Tiếng chiêng trống giục lừng gan Tuấn Kiệt,
Ngựa tức lồng còn đợi gió cao bay,
Thề một trận chót rửa hờn trong máu nghịch
Cho từ rày vỡ mặt lũ Bắc phương,
Chẳng còn dám cùng nước ta kình-địch.
Đại Việt ta đâu dễ thiếu anh hùng !

Lê Sát. — *Bẩm chúa công, hiện Vương Thông chủ soái,*
Đóng đô thành lực tận hãm trùng vây,
Toán viện binh hùng hồ đến nay mai,
Trong nội ứng ắt khó phân thắng bại.
Chỉ bằng cử đại binh một phen sống mái,
Kíp công thành, làm cỏ cả Đông đô,

Rồi dẫn Liễu-Thăng có thao lược trận-đồ,
Ta một mặt còn sợ gì giặc khách !

Lê Lợi. — *Việc đánh thành Đông đô là hạ sách*
Tướng Vương-Thông chỉ hy-vọng ở cứu-binh,
Vậy ta cùng Liễu-Thăng một trận tử sinh,
Viện binh vỡ, ắt Vương Thông đành qui phục.
Tuy Minh tặc có mười vạn quân sung-túc,
Nhưng cứu-binh nghìn dặm phải tiến mau,
Ta an-nhàn theo phép «dĩ dật đãi lao »
Tất nắm chắc trong tay cơ thắng đại.
Vả giặc Bắc thường khinh ta nhát-nhát,
Vốn ỷ mình vô địch cả mười phương,
Hẳn chúng không thận-trọng chốn nhung-trường,
Cho mán giặc lại một phen đàm đất Việt !

Nguyễn Trãi. — *Tôi được nghe Liễu-Thăng là tay kiệt-hiệt.*
Sức địch muôn người, thiện nghệ thần đao,
Lưng ba vừng, thân đứng một trượng cao,
Uy vũ hẳn lẫy lừng vang cõi Bắc.
Nay hắn đến đây quyết một lòng rửa nhục
Tôi xin dâng hiểm kế hại Liễu-Thăng ;
Phục một vạn quân ở cửa Chi-lăng,
Rồi dụ cho hắn phạm vào hiểm địa :
Núi Mã yên là một nơi nê địa
Bởi quá kiêu, Liễu tặc phải sa lầy,
Hãm thế cùng đành chết dưới tên bay.
Trừ được hắn còn lo gì đàn chuột nhắt ?

Lê-Lợi. — *Trí tham-tướng thật không thua gì Gia-Cát !*
Quyết trận nầy phục lại cả giang-san,
Vậy cấp một vạn quân cho Lê-Sát
Cùng Chá, Linh, Liệt đến Mã-yên san
Theo như kế mà lấy đầu Liễu-tặc.
Còn hậu tập phong cho Lê-Lý, Lê-An
Lãnh ba vạn theo sau cùng phá giặc.
Trận cuối cùng, ta định quốc, an bàng :

Chư-tướng. — (*đồng nói*) *Xin hết lòng hiến thân cho Xã-tắc,*
Giữ non sông Đại-Việt sống muôn đời !

Cảnh II

Cảnh chiến - trường : Trần - Lưu — Liễu - Thăng — Lương-Minh.

Trần-Lưu. — *Bớ Minh-tặc ! kịp khai tường danh-tánh!*
Ngọn gươm linh đang reo-giục lấy đầu.
Bãi chiến-trường ta mong đợi từ lâu.

LiễuThăng. — *Hay cho man - tặc dám dương dương kiêu-hãnh !*
Ngồi cho vững nghe ta xưng danh-tánh :
Ta đây Chinh-lỗ đại tướng-quân,
An-viễn-hầu Minh-quốc đại công-thần,
Tài vô địch Liễu-Thăng là danh-thị.
Nay ta sang đây quyết đạp tan Giao-chỉ,
Và dựng cột đồng như Mã-tướng Phục-Ba.

Trần-Lưu. — *Này Liễu-Thăng ! Hãy đáp mấy lời ta:*
Bởi hà cố người đem binh xâm phạm ?
Hai mươi năm giời nhọc-nhằn tủ hãm
Đại-Việt ta dưới cái ách của nhà bay !
Lũ tham quan vơ vét tài cho đầy,
Dân khổ-sở muôn phần oán hận.
Sao ngươi chẳng hồ lương-tâm, bổn phận ?

Liễu-Thăng. — *Tiền Man-man phải thần phục Đại-Minh,*
Ấy là biết theo lẽ thuận của thiên-đình,
Thờ đại-quốc cho chọn niềm tôi chúa.
Vả nước Việt chịu phong thần muôn thủa
Bỗng Trần-Triều cơ nghiệp đổ tan tành
Bởi họ Hồ nên mới nổi chiến-tranh
Ta dẹp loạn để giữ giềm non nước Việt.

Trần-Lưu.— *Thôi ! ngươi chớ có nhiều lời ngụy-thuyết*
Chỉ manh tâm đi cướp phá nước người,
Lại còn khoe nhân nghĩa, hỡi ôi !
Hừ ! Liễu-tặc đã đến ngày tận số !

Liễu-Thăng. — *Hay chó man-tướng dám buông lời nghịch ngỗ*
Hãy trở về kêu Lê-Lợi ra đây,
Cho ta xem mặt mũi khách anh-tài,
Rồi chẳng muộn ta cho ngươi cùng về chín suối !

Trần-Lưu. — *Đừng tự phụ mà chết không kịp hối,*
Như thượng thư Trần-Hạp, Lý-Lượng nội-quan,
Máu nhà Minh, Tụy-động chảy mênh-mang
Đầu năm vạn oan binh cao quá núi !
Thì mạt vận sao ngươi còn mê muội ?
Kịp lui binh, tánh mạng được an-toàn.

Liễu Thăng. — *Giỏi cho thằng tiểu-tốt nam man !*
Này hãy dỡ thử ngọn thần đao đất Bắc,
(*Cùng hỗn-chiến Trần-Lưu giả chạy*)

Liễu-Thăng. — *Mày có chạy đằng giời, bớ thằng man-tặc !*
Cho xuống khuá mồi múa mỏ với Diêm-vương.
(*Tham tướng Lương-Minh quất ngựa chạy ra*)

Lương Minh. — *Bớ Liễu tướng - quân ! hãy kịp dừng cương*
Đừng đuổi giặc kẻo mắc vòng độc kế !
(**Liễu-Thăng dừng ngựa lại**)

Lương Minh. — *Tôi đã đứng nhìn xem trận thế,*
Thấy tướng Nam binh pháp cũng tinh thông,
Sao bỗng đưng quất ngựa chạy như dông,
Ắt là chúng định dùng mưu dụ địch.
Vậy tướng quân chớ nóng vì lời khiêu khích.
Trần-Lưu hoài ngựa trở lại

Trần Lưu. — *Ôi ! hồ thay phương bắc đại anh hùng !*
Quá nhát gan như chim nọ sợ cung !

Liễu Thăng. — *Ta thề quyết nhổ ai gan mày cho hả giận*
bớ man tặc...

Lương Minh — ... *Ngài nên cẩn thận !*
Ngài cầm đầu vận mệnh cả muôn binh.

Liễu Thăng. — *Thôi hãy buông ta ra...*

Lương Minh. — ... *Ngài khá giữ mình !*
Mưu hiểm độc...

Liễu Thăng. — ... *Thôi lòng ta đã quyết !*
(*Liễu Thăng quất ngựa đuổi theo*)

Lương Minh. — *Ôi ! mạng bạc con người khí tiết !*
Phát lôi đình ôm hận cả thiên thu !

Cảnh III

(Cảnh rừng núi Mã yên sơn : Liễu Thăng — Trần Lựu — Lê Sát — Đinh liệt — Lưu nhân Chú — Phục binh)

Liễu Thăng. — *Ủa lạ nầy ! ta vừa đuổi chúng chạy qua đây,*
Mới thoáng đó sao bây giờ đã biệt dạng ?
Quân nam man chỉ có trốn chạy là hay,
Ta lấy ba ải (3) không hao mỏn viên đạn !
Ta đến đâu chúng vỡ mật, kinh hồn,
Quẳng gươm giáo, đạp bừa nhau hỗn loạn.
Tất chẳng bao lâu thâu phục cả nước non,
Danh ta sẽ muôn đời chói rạng !

Trần-Lưu bỗng hiện ra đằng xa, đứng trên một gò cao.

Trần Lưu. — *Bớ Liễu-Thăng !*
Khá khen ngươi theo tận chốn này !
Nhưng nực cười ngươi tự phụ tài hay,
Sao tự bấy gan ta chưa bị nuốt ?
Nghĩ hổ thẹn đứng anh hùng Bắc quốc.
Sống làm gì thêm nhục với non sông !
Hãy xử mình cho khỏi nhơ kiếm Lạc-Hồng.

Liễu Thăng. — *Nầy nghiệt sức, ta thề một chết*
Bắt chẳng đặng ngươi, ta nguyện chả lui về !
Lễ tế cờ, ngươi thế mạng cho trâu dê
Rồi ta sẽ đạp tan tành nước Việt !
Cho bay rõ mặt gan hào-kiệt !

Liễu-Thăng quất ngựa chạy đến, nhưng bỗng ngựa xa xuống lầy

Trần Lưu. — Ôi ! *thương thay, Chinh lỗ đại tướng quân !*
Ôi tội nghiệp thay, Minh quốc đại công thần !
Ôi ! mạt vận phải xa vào nề địa
Thôi, tôi cũng nghĩ tình lân bang đại nghĩa
Mà ra tay cứu giúp đại anh hào.
Ngài vang danh thân đứng một trượng cao
Đâu thử với đánh một hồi đại cổ,
(Trỏ chiếc trống lớn trên một cành cây cao)
Rồi tiện tướng xin kính dâng con xích thố
Đỡ chân ngài thoát khỏi chốn hiểm nguy.

Liễu Thăng. — *Vậy ngươi dương to mắt nhìn rõ thần uy*
Nầy hãy lắng nghe một hồi sấm động.

(Liễu Thăng dương mình, trở cán đao đánh vào trống. Tức thì bốn bề phục binh la ó, chiêng trống vang vầy).

Phục-binh. — *bắt Liễu Thăng ! Bắt Liễu-Thăng !...*

Thần Lựu. — *Ha ! ha ! Liễu thăng bởi quá vì cao vọng,*
Chưa phục Đông đô, đã bỏ mình ! ha ! ha !

Trần-Lưu đi vào, còn vẳng nghe tiếng cười.

Liễu Thăng. — *Ôi ! tư bề điệp điệp lũ man binh. mạng ta ắt khó toàn nơi đất Việt ! Ta tiếc chẳng nghe lời tham-tướng Lương-Minh*
Nên mắc kế của lũ Nam man quỷ quyệt

Phục binh. — *bắt Liễu thăng ! bắt Liễu Thăng !*

Liễu Thăng. — *Ôi ! bại-tướng xin lạy về bắc khuyết*
Dập đầu xin bệ hạ hãy thứ tha !
Thần Liễu Thăng trả nợ với nước nhà
Đào thần tử đã trọn niềm cùng thánh-thượng !
Ta cám tức chẳng đặng phân thây man tướng,
Thù chung trời nguyện trả ở kiếp sau
Mới thỏa gan, hả giận đứng anh hào.
Ôi ! lửa nhục đốt lừng bao khí-tiết !

Phục binh. — *bắt Liễu Thăng...*

Liễu Thăng. — *Cao xanh hỡi. nếu mạng căn chưa tuyệt*
Hãy giúp tôi thoát khỏi khốn nguy nầy.
Bớ Long cu thần mã khá cao bay,
Đền ân nghĩa bấy chầy ta nuôi dưỡng.

(Ngựa lồng lên, nhưng nhảy không khỏi bãi lầy. Bỗng phục binh kéo đến bủa vây. Lê-Sát, Đinh-Liệt và Lưu-Nhân-Chú hiện ra trên gò cao).

Đinh Liệt. — *Bớ Liễu tặc. mạng trời chớ cưỡng hãy bỏ tay hàng phục cho xong.*

Liễu Thăng. — *Nầy Nam man, ta rủi mắc kế vào tròng*
Thân dầu thác nhưng khôn lay lòng chính khí.
Nơi chiến địa là mồ của liệt sĩ.

Lưu nhân Chú. — *Chết gần kề, còn khoe tiếng anh hùng*

Lê Sát. — *Thôi đã đến giờ cho ngươi xuống âm cung.*
Truyền quân lính kíp mau loạn xạ.

Phục binh. — reo lên *Loạn xạ,..*

(Liễu Thăng ngã gục trên lưng ngựa).

Lê Sát. — *Nền xã tắc vững bền cao cả.*

Đinh liệt. — *Phục cựu thù, ghi khắc Mã yên sơn.*

Lưu nhân Chú. — *Nhục « thuộc Minh » nay đã rửa hờn*

Ba tướng. — (đồng nói) *hồn Đại Việt. giang san vạn tuế.*

Binh lính (đồng thanh). — *Đại-Việt vạn tuế.*

HẠ MÀN

(Viết xong ngày 20 Aout 1942 tại Cao-lãnh)

ĐỖ-HOÀNG-LẠC

---

1 — Nay ở Vệ sơn, huyện Nam đàn, tỉnh Nghệ an còn di tích thành cũ của vua Hắc đế.

2 — Khâm châu và Liêm châu thuộc Quảng đông

Muốn làm giàu, mua vé số
Đông-Pháp
1p00 một vé

Gia-đình và thân-thế vua Lê

Tiếp theo trang 9

Trung-tôn (1549-1556) mất, không có con, Lạng quốc - công Trịnh-Kiểm rước con giai Lê - duy-Hoằng, tức là cháu năm đời Lê-Trừ, tên là Duy-Bang lên làm vua tức là vua Anh-Tôn (1557-1572) Từ đấy các vua Lê đều lấy đệm chữ « *Duy* », thuộc về ngành trên để phân biệt với dòng chính vua Lê-thái-Tổ, đến vua trung - tôn là hết.

***

Vua Lê Thái-Tổ sinh vào giờ tý ngày mồng sáu tháng tám, năm ất - sửu (1385) niên - hiệu Xương-phù năm thứ chín đời Trần Đế-Hiện ở thôn Thủy-chú bên quê mẹ. Ngài sinh ra đã dĩnh ngộ, dần dần lớn lên càng ỏ vẻ khôi-ngô, anh vĩ : mắt sáng, miệng rộng, trán to, mình cao sáu thước, vai trái có bẩy nốt ruồi đen, đi nhanh như rồng cuốn mà bước mạnh dài như hổ chồm, khắp mình lại có nhiều lông Tiếng nói to sang-sảng và trong như chuông. Tướng ngồi như con hổ dương oai. Thức-giả bấy giờ đều khen vua có quý tướng, sự nghiệp sau này tất chấn động thiên-hạ.

Nhớn lên, ngài thông minh, trí dũng, khác hẳn người thường, đã nuôi sẵn trong lòng. Cái chí lớn giẹp loạn cứu dân. Ngài nối nghiệp nhà làm chúa trại Lam-sơn và làm thêm chức Phụ-đạo hạt Khả-lam.

Lúc ấy, người Minh đã chiếm cứ nước ta, có ý muốn vời ngài ra làm quan to. Nhưng ngài cố từ xin ở nhà làm ruộng Ngài thường nói : « Kẻ đại trượng phu ở đời, phải cứu nạn lớn, lập công lớn, để tiếng thơm ngàn sau, chứ cam chịu làm đầy-tớ người sao ?»

Ngài bí-mật tụ-tập hào - kiệt, tích trữ lương thực, do - lường tình-thế, đợi mãi đến mùa xuân năm mậu-tuất (1418), năm ngài 34 tuổi, mới kéo cờ khởi nghĩa, chống nhau với quân Tàu để cứu tổ-quốc ra ngoài vòng nô-lệ ! Từ đấy đời ngài đã đi nhập với lịch-sử Việt-nam để viết nên những trang oanh-liệt chói-lòa.

Mười năm bình định xong, lấy lại được nước, vua lại hết sức xếp đặt việc cai-trị trong nước cho được toàn-hảo. Ở ngôi được sáu năm, đến giờ mùi ngày 22 tháng 8 nhuận năm quý - sửu hiệu Thuận-thiên thứ sáu (1433), vua mất ở chính điện trong kinh đô (Hanoi), sống lâu được 49 tuổi.

Vua mắc bệnh phù - thũng, không thể liệm vào quan ; đến ngày mồng 2 tháng 9 làm lễ hỏa-hóa ở điện Cảnh-phúc. Rồi đến ngày hai mươi ba tháng chạp, đem về an táng ở Vĩnh-lăng bên núi Lam-sơn bao vây khắp cả địa - phận các thôn Như - áng, Hướng-dương, Giao-xá, trên từ đỉnh núi Mạnh-sơn, dưới đến Đức-vận, đều làm đất cấm của lăng.

Triều-đình tôn thụy là *Thống-thiên, khai vận, thánh đức thần công, duệ văn anh vũ, khoan minh trí dũng, hoằng nghĩa chí minh, đại hiếu Cao Hoàng - đế*. Miếu hiệu là Thái-Tổ.

Vua Lê có hai hoàng-hậu. Bà Trịnh-thị-Ngọc-Lã, người trang Bái-đê, huyện Lôi-dương lấy vua từ khi còn tầm thường, đẻ ra Hoàng-thái-tử Tự - Tề. Bà thứ hai là Phạm - thị - ngọc - Trần, người trại Quần-đội, huyện Lôi-dương thường theo vua đi đánh giặc. Ngày hai mươi hai tháng mười một năm quý-mão (1423) bà sinh một con giai đặt tên là Nguyên-Long, tức là vua Thái-Tôn sau này. Bà theo vua vào đánh Nghệ-an, đến xã Trảo-khẩu huyện Hưng - nguyên thì mất. Đến khi bình định, vua sai Lê-Cỗ đem hài-cốt bà về làng Nhưng đến xã Thịnh-mỹ thì trời tối, không sang đò được, phải ngủ lại ở chợ. Sáng hôm sau, chỗ để hài-cốt, mối đã đùn lấp cả, rồi vua truyền để yên đấy và xây lên thành mộ gọi là lăng Ngọc-nhĩ, truy - phong bà là Cung-từ Hoàng-hậu và lập đền Hiền-nhân để thờ.

Năm Thuận-thiên thứ tư, Tự-Tề có tội hoang chơi tửu sắc, bị giáng xuống làm Ai quận-công. Tháng giêng năm sau, nhâm-tý, lập Lương quận-công là Nguyên-Long lên làm Hoàng-thái-tử.

Năm quý-sửu, vua Thái-Tổ mất rồi, ngày mồng tám tháng chín, hồi giờ dần, Nguyên-Long lên ngôi lấy hiệu là Thái-Tôn để gìn-giữ giang-sơn gấm vóc của Lê-triều.

(Lấy tài-liệu ở *Hoàng Lê ngọc phả*).

CHÙ-THIÊN

Những sách của Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133 Rue du Coton Hanoi

1°) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang - Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1 p. 25

2°) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 2 50

3°) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 3 50

4°) *Phật lục*, Trần-trọng-Kim 0 80

5°) *De Hanoi à la Courtine* Phạm-duy-Khiêm 1 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15 %.

Cuộc hành-hương đến thờ cụ Nguyễn-Trãi,

Một vị đại anh-hùng có công lớn giúp vua Lê trong cuộc bình Ngô

VÔ-NGÃ

CHỦ-NHẬT, 16 tháng tám 1942 nhân trời tạnh ráo, mấy anh em trong hội Truyền-bá Quốc-Ngữ Hà-nội, do ông Nguyễn-Duy-Tinh hướng dẫn, về làng Nhị-khê, phủ Thường-tín, tỉnh Hà-đông, một là để chiêm-bái đền thờ cụ Nguyễn-Trãi hiệu là Ức Trai, Tể-tướng triều Lê ; hai là hỏi ý-kiến các bậc kỳ-lão trong làng về việc dự-định xin phép mở lớp học T. B. Q. N.

Cho hay trời cũng chiều người, tấm lòng chân thành của các bạn đối với tiền-nhân đã thấu đến Hoàng-Thiên : hôm trước mưa ngâu xâm-xụt, suốt đêm mây ám, nhưng sáng chủ nhật hiện ra một bầu trời tươi sáng. Đúng sáu giờ, anh em tề tựu trước bến xe lửa chính phố hàng Lọng : Công-chức có, hướng-đạo có, võ-sĩ có, học-sinh có, một đoàn ngựa sắt tiến thẳng về phía nam, trên đường thiên-lý số một. Đi một mạch 14 cây số, đến ga Quán-gánh thì dừng chân. Các bạn xuống xe, vào hàng uống nước và điểm-tâm qua loa. Nghỉ-ngơi một lúc, đoàn du-lịch bắt đầu tiếp-xúc với vùng không khí bao bọc chốn danh hương đã cống-hiến cho giang-sơn một nhân-vật tên tuổi còn chói-lọi trên Quốc-sử.

Bạn Nguyễn-Thịnh, duệ-tôn cụ Ức-Trai, đi chuyến xe lửa sớm nhất về trước, sửa-soạn cuộc đón tiếp đoàn đi thăm các di-tích cụ Tế-văn hầu, và trình báo chức-dịch hàng xã về việc nhân viên H. T. B. Q. N. đi xem xét tình thế trong làng để sau này sẽ trù-liệu xin mở lớp học Quốc-ngữ.

Các bạn qua đường thiên-lý, rẽ vào con đường đất về phía tay phải Từ ga Quán-gánh vào làng Nhị-khê độ hơn hai cây số. Quãng đường vào tuy rộng, song là đường đất, gặp phải trận mưa bôm trước, nên hơi lội. Anh em đành dắt xe đạp một quãng dài gần năm trăm thước. Còn từ chỗ miếu làng Thượng-đình đi vào, đường tuy nhỏ song cũng dễ đi. Quãng đường này sở dẫn-thủy nhập điền mới đắp được mấy năm nay, nhẵn nhụi và thẳng tắp, nên khô ráo hơn. Lại nhờ bạn Hóa hướng dẫn, nên có mấy chỗ khó đi bạn đã cho phu bắc ván để xe đạp đi qua.

Tới quán-ngói đầu làng, chúng tôi vào để xe và tạm nghỉ một lát. Quán này rộng rãi mát mẻ, trước sân có cây lộc-vừng bà-xòa xuống ao, vừa là chỗ trú chân cho các bạn điền khi mưa nắng, vừa là trụ-sở tạm thời của mấy nhân viên coi việc dẫn thủy nhập điền. Từ quán-ngói vào làng, đường đi còn ướt bùn, Tự cổng làng trở đi đường ngõ đều lát gạch cả.

Thoạt tiên tôi vào chiêm-bái đền thờ cụ Ức-Trai ở ngay bên đường (Tiểu-sử và sự-nghiệp tiên-sinh đã nói rõ ràng trong cuốn Nguyễn-Trãi của Trúc-khê). Sau vài câu chào hỏi, viên trưởng tự mở cửa và mời chúng tôi vào đền. Cũng như các đền đài khác của ta, đền thờ cụ Nguyễn-Trãi có một cái nhà đại bái và hậu cung làm kiểu chuôi vồ. Ngoài các hoành phi, câu đối ca, tụng công đức bậc nguyên huân, tự-khí rất sơ-sài, có lẽ thích hợp với tính bình-dị của vị đại công thần lúc sinh thời ít ưa phù-phiếm xa hoa chăng ? Hai bên có bục cao lát gạch hoa. Ở giữa, ngoài cùng là cái hương án, trên có cái lư hương bằng đồng đen. Sau án chừa ra một khoảng không rộng rãi để chỗ làm lễ ; hai bên cắm bộ bát-bửu. Trong đến cái án con trên để mấy thanh bảo kiếm, tả hữu là hai pho tượng ông phỗng bán thân, mặc áo đỏ, hai tay khoanh lại và giơ lên ngang đầu. Sau lưng hai pho tượng ấy cắm hai cái biển có khắc những chữ « *Ẩn tử vinh quang* » và « *Khai quốc nguyên-huân, Nhị khê Nguyễn tướng-công* ».

Trong cung có ba ngai thờ đặt ở ba gian. Cuộc đi chơi này tổ-chức vội-vàng quá, nên không kịp mua hoa về dâng tiến. Bạn Nguyễn-duy-Tinh nhanh trí, cho ra chợ làng sửa-soạn lễ vật ; một bao nến và mười thẻ hương. Lễ mọn, lòng thành. Một lát trong chốn miếu đường, đèn sáng trưng, hương nghi ngút, phảng phất như Nguyễn tướng công ẩn hiện trong làn mây khói để chứng giám tấc lòng thành kính của con cháu ngài.

Ông thủ-tự mặc áo thụng xanh và bạn Nguyễn-Thịnh làm lễ cáo miếu rồi lần lượt anh em trong hội vào làm lễ. Lễ tất, anh em ngồi nghỉ trong đền, uống nước chè nói chuyện vãn.

Vài bạn nét mặt nghiêm-trang chắc đang ôn lại nhiều việc hiển-hách của bậc quốc-lão ; một bạn trẻ lấy bút máy, giở sổ túi ra ghi chép những chữ chép trên hoành-phi, câu đối.

Tuần trà vừa xong, bạn Nguyễn-Thịnh cùng ông Lý-trưởng dẫn chúng tôi vào cung xem tranh cụ Khai-quốc. Đó là một bức tranh cổ do một họa sĩ Tàu vẽ lúc sinh-thời cụ. Tranh tuy cũ, đã bồi lại một lần, song nét vẽ vẫn tinh-vi

và màu thuốc, trải mấy tang-thương vẫn còn tươi thắm! Bức tranh to lắm, vì di-tượng ấy vẽ lớn bằng người thật. Hằng năm chỉ có mấy kỳ xuân-tế, thu-tế và kỵ nhật thì thiên-hạ mới được xem tranh. Theo ời ông lý-trưởng thì, trước kia rên bức tranh này, còn có cả hình tượng bốn vị gia-tướng, song lúc bồi lại thì phủ lấp đi, nay chỉ còn nguyên có di-tượng cụ thôi.

Năm 1918 họa-sĩ Chi, một tay chuyên vẽ « phông » nhà hát ở Hà-nội, có tự nguyện xin truyền lại một bức khác theo như tranh cũ, nên đã được các chi-phái Nguyễn tường công giao cho việc đó. Cứ lời ông lý nói với chúng tôi, thì bức tranh mới này tuy bút-pháp đã tinh, nhưng không được linh hoạt bằng bức tranh cổ mà chúng tôi được hân-hạnh chiêm-ngưỡng hôm nay.

Cuộc xem tranh vừa xong thì bạn Nguyễn Duy-Tinh bắt đầu bàn với ông lý-trưởng về câu chuyện lập lớp học Truyền-bá Quốc-ngữ tại làng Nhị-khê là mục đích thứ hai của cuộc nhàn-du hôm nay.

Ông Lý được ông Nguyễn-Thịnh báo cho biết trước, nên chúng tôi mới nói qua loa, mà ông Lý đã rõ tôn-chỉ của Hội, niềm-nở nhận lời và hứa sẽ tận tâm thu xếp với các bực đàn anh trong làng để lập lớp học Quốc-ngữ theo như ý-kiến của Hội.

Trong khi nói chuyện, một bạn trẻ người làng Nhị-khê, chừng là quyến-thuộc ông lý, có nhận lời làm giáo-viên dạy giúp Hội. Chúng tôi đã cho địa-chỉ của Hội tại Hà-nội để bạn tiện việc giao-thiệp,

Chừng hơn 10 giờ thì bạn Nguyễn Thịnh và ông lý-trưởng dẫn chúng tôi đến thăm ông trưởng-giáo trường Pháp-Việt Nhị-khê, vì nếu lớp học Quốc-ngữ thành lập, Hội sẽ mượn trường Pháp-Việt để dạy học. Gặp chúng tôi, ông trưởng-giáo vui lòng nhận lời giúp ngay. « Phải, — lời ông Đĩnh, một giáo-viên trường Rollandes, Hà-nội — công việc Truyền-bá Quốc-ngữ chính là bổn-phận của chúng mình, tôi lấy làm hổ-thẹn với các giới là trong Hội chống nạn thất-học, phần-tử giáo-giới còn ít-ỏi quá; mong các nhà giáo sốt-sắng vào Hội cho đông và phải bắt tay làm việc ngay, ngõ-hầu công việc Truyền-bá Quốc-ngữ mới chóng phát đạt». Lời ấy được cử tọa tán thành, nhất là ông trưởng-giáo trường Nhị-khê.

Từ giã nhà giáo, chúng tôi vào thăm ông cựu Tề hiện là thứ chỉ làng cụ Khai-quốc, mục đích nhờ ông cổ-động cho Hội dựng lớp học cho chóng thành. Ông kỳ-mục này niềm-nở tiếp chuyện, tán thành công việc của Hội và hứa sẽ hết sức giúp Hội đạt được ý-muốn.

Sau một tuần nước chè tàu thơm ngát, chúng tôi từ-giã chủ-nhân, ra thăm trường Pháp-Việt và văn-chỉ hàng xã. Trường học có ba lớp rộng-rãi, dựng từ năm 1924 ở giữa làng, trên thửa đất rộng gần một mẫu ta. Đường ngõ xây gạch và việc lập trường học là sáng-kiến của cụ Lương Ôn-Như, một nhà chí-sĩ cận đại, vốn là người làng Nhị-khê. Nhà trường do hàng xã bỏ tiền xây nên; còn các giáo-viên thì do nhà nước bổ về. Học-trò vào khoảng hơn trăm trẻ em. Nhưng làng to, dân đông, nạn thất học hãy còn đáng lo, nên sự mở lớp học Truyền-bá Quốc-ngữ không phải là việc vô ích.

Văn-chỉ cách trường học độ 200 bước. Ba bệ gạch trơ-vơ trên khoảng đất vuông cỏ mọc xanh rì, trước mặt là ao, xung quanh là các thửa ruộng cao, hiện đã cấy mùa. Theo lời các cố-lão và Nguyễn-tộc, thì chỗ văn-chỉ ấy là nơi Ức. Trại tiên-sinh dạy học thủa xưa, sau khi tiên-sinh mất đi, văn-thân hàng xã mới lập văn-chỉ để kỷ-công.

Lúc giở về, chúng tôi tạt qua vào xem đền thờ ông tổ nghề tiện, (làng Nhị-khê có hai công nghệ đáng chú ý là nghề khắc dấu chữ và nghề tiện) đền làm to tát và rực rỡ nguy-nga hơn đền thờ cụ Khai-quốc, vì đền thờ Nguyễn tường-công do con cháu của tường-công lập nên, chứ không phải do quỹ hàng xã. Chúng tôi mong rằng sau này sẽ có một ngôi đền thờ Tế-Văn hầu cũng rực-rỡ cũng nguy-nga như đền Vạn-Kiếp thờ đức Hưng-Đạo đại-vương, vì công nghiệp của Nguyễn tường-công cũng hiển-hách lẫm-liệt như công-nghiệp của đức Trần Quốc-Tuấn.

Chúng tôi lại rẽ vào thăm qua đình làng. Trong đình có một cái trống rất lớn, bề mặt gần 2 thước tây, lớn gần bằng cái trống ở chùa Tiên-lữ thuộc hạt Tứ-trầm.

Khi ra về, ông Nguyễn-Thịnh và một bạn trẻ trong làng không quản dẫn chúng tôi đi xem ngôi mộ phát tích của họ Nguyễn. Đường bờ ruộng tuy lội, song chúng tôi cũng cố công dò-dẫm đến tận tôn-lăng. Lăng đây là một thửa đất rộng chừng nửa sào, (xưa kia rộng hơn 1 sào, vì các người có ruộng chung quanh đã bạt đi mất một nửa), cuối lăng là ngôi mộ phát-tích. Trước mặt có một mô đất hình con quy, hai chân rùa đạp vào lăng, một cái giá bút lồng nghiên. Còn xung-quanh, từ phía xa xa chầu về, nào voi, ngựa, nào cờ, trống, nào cung, kiếm, đủ cả lệ-bộ của một vị khai-quốc công-thần.

Ở lăng ra về trời vẫn nắng chang-chang, bạn Trác phải lấy khăn mặt che đầu. Chúng tôi vào quán ngồi lấy xe đạp rồi từ-giã bạn Nguyễn Thinh mà thong thả lên đường. Ai nấy từ từ tiến bước, nhường như còn mến tiếc bầu không-khí trong-trẻo bao-bọc chốn danh hương.

Ra tới ga Quán-gánh thì đã hơn một giờ chiều, anh em nghỉ ngơi giải khát một lát, lại nhảy lên xe đạp thẳng tới thành.

Dưới trời nắng gắt buổi thu sơ các bạn vẫn tươi cười giong-ruổi trên đường thiên-lý, hơn mười con ngựa sắt tha-hồ mà phóng nước đại...

VÔ-NGÃ

Xem tiếp trang 20

TRUYỆN ĐỜI LÊ

TRÚC-KHÊ

Một nhà trung hiếu

ÔNG Lê-Lai, người làng Dựng tú đất Lam-sơn xứ Thanh-hóa, theo vua Thái-tổ đầu tiên, đã nhiều lần xông pha trận mạc, năm Bình-định thứ 2 (1419), vua đóng quân ở núi Chí-linh thuộc Thanh-hóa, thế lực còn yếu, thường bị quân Minh đến vây đánh. Một hôm ngài hỏi các tướng rằng :

« Trong các tướng có ai bằng lòng đem mình thay tạ ra đánh Tây-đô để cho giặc bắt được, bắt chước việc Kỷ tín chết thay cho Hán cao-tổ ngày xưa. Ta nhân đó nghỉ ngơi ít năm, thu thập thêm binh, sẽ lại mưu đồ chuyến khác. »

Lê Lai hăng hái xin đương việc ấy. Vua ngửa mặt lên giời khấn rằng :

« Lê Lai tình nguyện đem mình chết thay cho tôi, sau này nếu tôi không nhớ đến công của y thì xin cung điện hóa thành núi rừng, ấn báu hóa thành đồng sắt, gươm thần hóa thành đao binh giặc giã. »

Lê Lai bèn lĩnh binh đến đánh Tây-đô, mặc áo bào vàng, mạo xưng là Bình-định-vương. Quân Minh tưởng thật, hết sức vây đánh, rồi bắt sống được giết đi. Từ đấy đâu đâu cũng huyên truyền cái tin Bình định-vương đã chết, quân Minh vững dạ không lo gì nữa. Thái tổ nhân thế được nghỉ ngơi vài năm, Nâu vết ẩn binh, dưỡng uy sức nhuệ, rồi sau đại cử ra đánh giặc, thu phục được giang sơn mà dựng nên đế nghiệp. Năm đầu niên hiệu Thuận-thiên 1428 truy tặng ông làm chức Thái-úy rồi tấn phong đại-vương.

Con ông Lai là ông Lâm sau theo vua Thái tổ sang đánh Ai-lao tử trận. Con ông Lâm là ông Niệm vì là dòng dõi công thần, trải làm đến Nội đô-đốc, binh chương quân quốc trọng sự năm đầu niên hiệu Hồng đức, ông theo vua Thánh tôn sang đánh Chiêm-thành, phá thành Đồ bàn, bắt được vua Chiêm là Trà Toàn đem về được phong cho 3 trăm nóc nhà. Sau lại làm Bình-nhung tướng-quân đi đánh Chiêm thành, Cao miên, nhiều phen lập được công lớn gia chức Thiếu-phó và phong Tĩnh quốc công. Bài chế vinh phong của ông có những câu này :

Nhất môn trung-kiến, liên năt tổ nãi phụ chi tử tuy ; dịch thế huân danh, nghi nhĩ công nhĩ hàn chi tế mỹ.

Nghĩa là : một nhà trung hiếu, thương ông người- cha người chết vì việc nước; dỗ đời huân danh, nên phong công phong hầu cho nhà người để thêm rực rỡ. Ông và cha, chính là trỏ vào ông Lai và ông Lâm.

Giặc ngoài khiếp uy

Ông Lê Khôi người ở Lam-sơn, cháu gọi Thái tổ bằng chú ruột. Ông độ lượng hòa nhã, ít khi nói cười, theo đức Thái-tổ đi đánh dẹp có công. Sau khi bình Ngô, năm thuận-thiên thứ 3 1430, ông phụng mệnh vào trấn thủ Hóa-châu Thuận hóa, chiêu-dụ kẻ lưu vong, khuyên dân giồng dâu cấy lúa, lại luyện tập quân sĩ, giữ vững bờ cõi. Người Chiêm thành đem lòng kinh sợ, mỗi khi có sứ vào cống tất hỏi thăm đến ông. Sau ở vùng Thái-nguyên có giặc Thạch-lâm, ông phụng mệnh đi dẹp yên được. Đến khi vua Thái-tôn lên ngôi, ông được thăng Nhập-nội Tư-mã Tham-tri Chính-sự, lại kiêm quản quân các vệ Tây-đạo Khi theo vua đi đánh Ai-lao, được thăng Đô-đốc. Sau vì có lỗi phải cách chức năm Thái-hòa nguyên niên, lại được khởi phục chức nhập-nội thái-úy. Sau lại phụng mệnh cùng các ông Lê Thận, Lê Xí vào đánh Chiêm-thành. Khi đến nơi, quân giặc hô to : « Có phải quan Tư-mạ đến đây đó không ? » Ông ngả mũ trụ xuống cho giặc xem mặt, chúng đều sụp lạy xin hàng, bèn tiến quân đến phá được thành Đồ bàn, bắt được vua Chiêm là Bí Cai đem về. Khi về đến dưới núi Long-ngâm ở cửa bể Nam-giới thì ông mất, truy tặng là Nhập-nội. Đại Hành khiển Thái-úy Tán quốc-công. Sau được tấn phong là Vũ-mục đại-vương. Dân nghệ an nhớ ơn đức, lập đền ở dưới núi Long-ngâm để thờ.

TRÚC-KHÊ

tiếp theo trang 19

Hoành-phi

Xin ghi thêm mấy câu-đối và hoành phi để độc giả cùng xem.

1.] Bình Ngô khai quốc
2.] Khai quốc nguyên huân
3.] Quang khuê tảo
4.] Nho thần thạc vọng
5.] Tướng môn lệnh phiệt
6.] Viên cập miêu duệ

Câu đối

1. Văn-chương sự-nghiệp chi truyền, vĩnh thủy hậu thế ;
Long-hổ phong-vân chi hội, do tưởng tiền duyên.

2.] Tước dĩ thù công, thiết khoán đan thư quang sử bút ;
Loạn nhi tư trị, hoàng đồng bạch tẩu ngưỡng di dung.

3.] Lê-sử lưu quang khuê tảo, nhất sinh tâm-sự ;
Phúc-khê dẫn phái giản hoàng, vạn cổ trung thường.

4.] Công tồn vũ liệt, văn mô thượng ;
Đạo tại hoàng phần, đế điền gian.

5.] Tâm thượng tảo khuê, nhất điểm linh đài mạc trạng ;
Trướng trung trù sách, bán thiên danh thế kỳ gian.

6.] Di tượng thanh cao, kim nhật ngưỡng nghi phục kiến;
Chính khí lẫm liệt, thiên thu tinh phách như sinh.

7.] Sinh vi tướng, tử vi thần, Trần thượng-phụ thái-sư nhi hậu ;
Văn kinh bang, võ kham loạn, Lê thánh triều trung hưng nhất nhân.

8.] Mưu vương tướng lược tranh thiên địa,
Ưu quốc thần tâm chiếu đầu khuê.

9.] Dữ quốc đồng hưu, thư khoán vĩnh tồn Nam-việt sử
Hữu công tắc tự, miếu đường nhi đối Ôi-trang đình.

Người thôn-nữ

Một truyện tưởng-tượng về màu đời bôn-bá của

BÌNH-ĐỊNH VƯƠNG

TRÚC-YÊN-SƠN viết

ĐÊM khuya... Tiếng trống canh hai đã điểm. Màu trời đen sẫm ; không một ngôi sao sáng. Mưa rơi mỗi lúc một mau. Thỉnh-thoảng vài cơn gió bấc thổi lạnh buốt thấu xương. Tiếng ếch nhái kêu hòa lẫn tiếng tre già cọ sát nhau làm mất cả cảnh tịch-mịch của đêm sâu.

Huyện Hoàng-mai đang say trong giấc điệp. Ngoài tiếng chó xủa người ta có cảm-tưởng đó là một bãi tha-ma, một chốn hoang tàn không một ánh đèn le-lói. Tiếng chó xủa giống một xen lẫn tiếng run, dế, ếch - nhái làm tăng vẻ buồn.., và vắng..

Một mái nhà tranh lẻ-loi giữa đồng lúa chín vàng nấp sau bụi tre um-tùm. Trong nhà một cái án thư cũ kỹ có buông tấm mùng bằng nâu bạc phếch. Một cái giường tre ọp ẹp như muốn thi gan cùng thời gian ; một cái ổ rơm mới, giải tịt xuống đất. Những thứ ấy đủ chứng tỏ là một nhà thường dân như muôn nghìn dân quê khác.

Bên đĩa đèn dầu lạc, người thôn nữ, trạc hai mươi, chít khăn vuông mỏ quạ, khuôn mặt bầu-bĩnh, hai má hây hây đỏ như muốn thi tươi cùng ánh lửa hồng. Nàng đang cắm - cúi gỡ tơ bên giường cửi hầu như quên cả nhọc-mệt. Bên đống lửa, mẹ nàng, một bà cụ già trạc ngũ tuần, nét mặt hiền hậu đang ngồi sưởi. Đống lửa gần tàn, bà quay lại bảo con :

— Trời đã khuya, có lẽ gần tới canh ba rồi, con thu xếp mà đi ngủ.

— Vâng, u có mệt cứ đi nghỉ trước ; con còn dệt nốt chỗ vải này.

Những ngón tay búp măng, mềm mại đưa đi đưa lại trên khung cửi một cách nhẹ-nhàng, lanh-lẹ. Đang mê-mải làm, bỗng có tiếng đập vào cánh cửa liếp rất gấp tiếp theo những tiếng gọi se-sẽ như ngượng-nghịu. Ngạc nhiên, nàng cất tiếng trong trẻo hỏi :

— Ai đó ?

— Thưa tiếng ngoài đáp vào, ông bà nào trong đó, làm ơn mở cửa giùm cho tôi, kẻ bộ hành lỡ bước này trú chân nhờ một đêm.

Ngoài đường mưa vẫn rơi tiếp theo những cơn gió lạnh thổi.

Nàng nhíu mày lại. tỏ vẻ ngần-ngại Nhưng nghĩ đến cảnh lỡ bước trong lúc đêm khuya, giời mưa, gió lạnh, lòng thương người tăng lên làm quên cả sự e-ngại, nàng đứng lên mở cửa. Người thiếu niên quần áo ướt đẫm, đầu tóc bơ-phờ, hớn-hở bước vào. Thấy khách trọ là một chàng trai trẻ, nàng sửng-sốt hỏi :

Người ở đâu tới ? Mà đêm hôm khuya-khoắt này còn lạc-lõng giữa nơi đồng không mông quạnh ? Sao không vào trọ ở những hàng cơm trên huyện ?

Ấp-úng khách trả lời :

— Thưa . . . thưa, tôi ở xa tới, chưa thuộc đường đất, đến huyện này thì trời vừa tối, thành lạc. Chân đã mỏi, giời lại mưa, thấy đây có ánh đèn nên vào xin tạm trú một đêm, kẻ bộ hành lỡ bước này đội ơn vạn bội.

— Đành vậy, song ở đây chỉ có hai mẹ con tôi, e không tiện, mong người tìm chỗ khác.

Thất vọng, khách ngần-ngừ tỏ vẻ băn-khoăn. Mẹ nàng chạy ra, nhìn thấy khách có một bộ mặt phương-phi, quắc-thước, đôi mắt oai-nghiêm, chứa đầy dũng-cảm, nét mặt gân-guốc dưới màu da sạm nắng như đã dày - dạn với phong sương.

Trấn-tĩnh lại, khách nói :

— Thưa cụ, tôi là người lương-thiện vì lạc bước tới đây, mong cụ cho tạm trú đêm nay, tôi xin hậu tạ. Nói xong khách giơ ra một túi tiền nặng trĩu.

Nghe giọng nói khác vùng này, biết là người phương xa tới, động lòng từ thiện, bà cụ ưng thuận.

— Người đừng dạy thế ! Già này bao giờ cũng sẵn lòng giúp người xa lạ. Còn ơn huệ, già không bao giờ nghĩ tới. Mời người vào trong nhà tạm trú kẻo nước mưa thấm lạnh người.

Khách sung - sướng bước vào. Người thôn nữ vừa đóng cửa vừa nói :

— Đáng nhẽ ra như thế này thật là không tiện song bổn-phận chúng tôi phải giúp đỡ người cơ-nhỡ nên không nề-hà gì để người tạm trú ở đây. Rồi nàng chỉ vào đống lửa gần khung cửi, nói ;

— Người vào kia sưởi cho đỡ lạnh. Ở đây chỉ có hai mẹ con tôi, nhà nghèo không có chỗ nằm cẩn-thận. Ổ rơm kia là nơi tôi vẫn nghỉ. Đêm nay xin nhường người, tôi ra nằm với thân-mẫu tôi ở chiếc giường kia.

Nói xong, nàng tới bên khung

cửi ngồi xuống dệt. Còn khách tới bên đống lửa ngồi hong quần áo. Nhưng mắt khách vẫn không rời nàng thôn-nữ. Khách say nhìn nét mặt thùy-mi, dịu-dàng, đôi mắt hiền-từ đầy vẻ đáng yêu... Khách vẫn nhìn không chớp mắt đôi má hồng, dưới ánh lửa hồng làm khuôn mặt hồng hồng thêm.

Ngừng thoi, người thôn nữ quay lại nói :

— Người đi suốt ngày, lại bị nước mưa, chắc mệt lắm, khô quần áo rồi nên đi nghỉ.

Khách bước tới ổ rơm đặt mình xuống. Xong khách không ngủ, tay vắt lên trán, mắt nhìn về phía thôn-nữ. Khách nhìn, hầu quên cả mệt-nhọc ; nét mặt tỏ vẻ khoan-khoái. Khách nhìn say-sưa những sợi tóc mây đen nhánh rủ xuống như mơn-trớn cặp môi có duyên, những ngón tay xinh-xắn thoăn thoắt trên khung cửi. Khách nhìn cho tới phút mà mi mắt nặng trĩu... và khách mơ trong một thế giới đầy thơ mộng...

Nàng thôn nữ vẫn dệt cho tới khi tiếng trống canh ba đã điểm mới ngừng tay. Gạt bớt bấc, cho ngọn lửa cháy bé, nàng đi về phía giường. Khi qua bên ổ rơm, nàng đá phải vật gì răn-rắn. Cúi xuống nhặt, nàng thấy vật đó long-lanh và tròn trặn. Kinh-ngạc tới cực điểm, nàng lại bên ánh đèn : đó là một viên ngọc bích chạm-trổ tinh vi có khắc bốn chữ rất nhỏ : « *Bình-định-vương, Lê* ».

« *Bình-định vương* », đọc tới ba chữ đó nàng không khỏi kinh-ngạc, tay run-run, nàng cảm-động vì sung sướng.

Cái tên đó đã vang dậy khắp nước Việt đương sống dưới ách người Minh, cái tên mà đêm ngày nàng cầu mong cho sự chiến thắng. Bình-định-vương là kẻ bộ hành lỡ bước này ? Có lẽ nào, ngài đang tung hoành hăng-hái ở nơi chiến-trường đã làm cho bao quân Minh khiếp vía, cớ sao lại ở đây ? Hay Lê-vương đã bị quân Minh phá tan thế-lực, nên đêm hôm phải trốn-tránh ở vùng thôn-dã hiu quạnh này ? Đúng rồi, người khách lạ tuy bơ-phờ lam-lũ, nhưng vẫn phảng-phất một khí phách hiên-ngang anh-hùng.

— Giời ! giời không tựa Lê-Vương sao ?... Nàng dón dén bước tới ổ rơm đặt viên ngọc xuống cạnh người khách lạ.

∴

Bóng mặt giời đã lên cao, rọi ánh nắng vào trong nhà làm Bình-định vương choàng dậy. Chợt sờ thấy viên ngọc ở cạnh, Vương giật mình vơ vội đút vào túi. Nhìn quanh quẩn không thấy ai, Vương mới yên lòng, Tiến về phía án thư thấy liễn cháo để sẵn đấy. Bà cụ già đang ngồi khâu ở cửa thấy khách dậy quay lại nói :

— Có liễn cháo để trên án-thư, mời người sơi đi kẻo nguội. Con cháu nó đi chợ Huyện cất hàng và mua thức ăn về làm cơm trưa,

Bình-định-vương cảm phục tấm lòng người thôn nữ. Húp xong liễn cháo thì nàng đã cắp rổ về. Thấy vương nàng vội cúi đầu thi lễ :

— Trước khi lên đường, mời người ở đây sơi tạm với chúng tôi bữa cơm trưa.

Vương vui vẻ nhận lời.

∴

Bữa cơm trưa không lấy gì là cao lương mỹ vị nhưng rất ngon lành. Ăn gần xong vương kêu khó ở cáo lui đi nghỉ. Nàng thôn-nữ tỏ vẻ lo âu.

Đã mấy ngày hôm nay, không thấy tiếng thoi đưa, nàng bỏ cả quay tơ, dệt vải, nghề sinh sống hằng ngày để luôn luôn sàn sóc bên cạnh người khách qui mến. Mấy ngày hôm nay vương mê mệt làm cho nàng quên ngủ quên ăn.

Đêm nay, tiếng thoi đã thấy kêu như chia vui cùng thôn nữ. Bình-định-vương đã gần bình phục. Tuy vậy, thỉnh thoảng nàng vẫn nhìn về phía vương tỏ vẻ lo âu dưới một tình yêu thầm kín.

Thật ra, nàng có hiểu đâu Bình-định-vương đã cáo ốm để nán lại vì... Mấy ngày hôm nay lòng vương đã nặng trĩu một mối tình, tình quyến-luyến.

Đã ba đêm nay, vương đắm đuối nhìn khuôn mặt hiền hậu của nàng Vương không muốn xa nàng. Vương đường quên cả tiếng gọi lên đường

Đêm nay, muốn cho người thôn-nữ yên lòng, vương nói là đỡ mệt... và say-sưa nhìn nàng lanh lẹ đưa thoi... Tâm hồn vương đang bị lấn át bởi một nguồn tình cảm mới. Vương chậm rải tiến về phía khung cửi. Thấy động nàng quay lại, bốn luồng nhỡn tuyến gặp nhau, cùng hạ xuống và... cùng chứa trong lòng một mối u-tình.

Muốn dấu sự ngượng-ngùng e-thẹn, nàng se sẽ hỏi :

— Người chưa bình phục hẳn, nên tĩnh dưỡng nhiều, chớ dậy e mệt.

— Không tôi cũng đã khỏe, nằm mãi thêm mệt, lại xem cô dệt vải cho vui. Vương đáp với một giọng đầy tấu-yếm.

Những ngón tay khéo léo trước kia thoăn thoắt trên khung cửi bấy giờ dường như ngượng nghịu, đưa thoi không đều, mất cả vẻ tự-nhiên và run run lúng túng.

Đêm khuya trong cảnh tịch-mịch hai tâm hồn cùng nặng trĩu, cùng chứa một mối tình thầm kín. Đã bao lần vương toan cất tiếng nói để phá tan sự im lặng song vương cảm động không thốt ra lời. Thỉnh thoảng những cái nhíu mày của nàng làm cho vương càng thêm ngần-ngại, Sự lặng lẽ đó kéo dài mãi cho tới khi tiếng trống canh ba điểm, người thôn nữ dừng tay đứng dậy :

— Tôi đã thấy mệt và có lẽ người mệt nhiều hơn, song không tiện nói. Để người đứng mãi, thế thật là có lỗi. Vậy mời người đi nghỉ kẻo thức khuya e hại sức khỏe.

Bình-định vương lặng người không nói được một tiếng vì tiếc cái bầu không-khí êm đềm đã qua ! Đứng dậy, vương cúi đầu chào rồi quay về chỗ ngủ. Vương trằn trọc... nghĩ tới người thôn-nữ, tới tấm linh-hồn chất-phác, tới vẻ kiều-mị đoan-trang, vương càng thêm thiết tha, quyến luyến... Nhưng rồi dần dần thiếp đi, vương ngủ say trong giấc êm đềm...

Vương có biết đâu bên án, người thôn nữ đang cặm cúi mài mực, viết thư, Nàng không đủ can đảm để ngăn những giọt lệ lăn trên gò má,

Đêm đã khuya. Nàng vẫn ngồi say ngắm hình ảnh khách anh hùng...

∴

Sáng hôm sau, vừng đông vừa nhú khỏi lũy tre xanh, Bình-định vương đã tỉnh dậy. Chưa kịp rửa mặt, vương ngạc nhiên thấy người thôn-nữ hốt hoảng chạy vào nói lắp-bắp không ra hơi, mặt đầy vẻ lo sợ :

— Tôi vừa tới huyện, bỗng thấy quân Minh rầm rộ đi lục xoát từng nhà. Hỏi ra mới biết họ đang lùng một tên hung phạm. Người ta chỉ cho tôi một cái hình người bị tróc nã. Tôi lại xem và không khỏi kinh ngạc, lo sợ khi thấy bức hình vẽ đó giống người như đúc. Vậy người phải mau mau trốn đi kẻo nguy lắm, quân Minh đã sắp tới nơi rồi !

Bình-định vương thất sắc :

— Vâng, tôi là một ẩn-sĩ đang bị quân...

— Người nói thế, thiếp đủ hiểu. Xin đào tẩu mau, đừng chậm trễ phút nào, e khó an toàn và gia-quyến thiếp cũng khó lòng tránh khỏi liên lụy. Thôi, người trốn mau, đừng lưu-liên quyến-luyến nữa...

Kia ! còn ngại-ngần và âu-sầu chi mãi ?

Giùng-giằng và luyến tiếc, cố nán lại một vài giây, Bình-định vương bàng hoàng như người mất cắp...

Nhưng tiếng ngựa hí, tiếng loa vang, làm vương giật mình, nhìn ra phía ngoài, thấy cát bụi mù trời, quân, ngựa lô nhô. Vương vội vàng ra phía sau và không quên nhìn lại người thôn nữ...

Trong lúc vội vàng, vương không kịp nhìn thấy những giọt lệ long-lanh trong khóe mắt nàng.

Nhìn bóng Lê-vương khuất sau những bụi cây um-tùm, người thôn nữ gạt nước mắt, nhoẻn một nụ cười sung-sướng.

∴

Bình-định vương chạy đã xa lắm rồi, luồn qua những con đường tắt, hẻo-lánh, xuyên vào rừng để cho quân địch khỏi tìm thấy dấu vết. Tới giữa rừng xem chừng quân Minh không thể tìm được nữa, vương phải dừng lại nghỉ cho khỏi chồn chân và không quên sờ lại túi xem viên ngọc bích còn không. Ngạc nhiên vương thấy một phong thư niêm-phong cẩn thận, đề bốn chữ : « *Kính gửi Lê-vương* ». Bình-định vương vội bóc thư ra đọc :

« *Kính gửi Chúa-thượng,*

« *Xin Chúa-thượng hãy an lòng, toán quân nhà Minh đó là toán quân thần-tiễu mà tiện-thiếp mạo rà để dối Chúa-thượng. Thật là đáng chịu tội nặng, mong Chúa-thượng vạn xá.*

« *Vốn là con nhà bần nho, thiếp tôi cũng đã được theo đòi nghiên bút ; bên tai nghe thấy tiếng tàn-ác của quân Minh, không khỏi đem lòng căm giận.*

« *May sao, Chúa-thượng không quản gian-lao, lự đất Lam-sơn dấy nghĩa, dân-chúng nức lòng. Thanh-thế của Chúa-thượng đã vang dậy khắp nước Việt. Đã bao phen, Chúa thượng làm cho quân Minh khiếp vía, kinh hồn.*

« *Anh thiếp cũng có theo lệnh ở dưới nghĩa kỳ, mong trả nợ nước nhà khỏi hổ danh là thân nam-tử.*

« *Thiếp tôi vì phận nhi-nữ, sức yếu, tài hèn, đành chịu ẩn một nơi vui với mẹ già ; nhưng đêm ngày thiếp vẫn cầu mong cho sự chiến-thắng. Thần thiếp ước-ao được thấy ngày Chúa-thượng phá tan giặc Ngô làm chủ cõi Nam đem lại cho muôn dân cuộc thái-bình thịnh-trị.*

« *Đã bao lần, thần thiếp vui-sướng khi thấy người ca tụng đức độ của Chúa-thượng, thiếp tin ngày vinh quang sắp tới và thiếp cũng được vinh-dự vì anh thiếp cũng có tên trong đám nghĩa binh.*

« *Những lần quân Minh thắng thế, sát hại nhân dân vô tội ; những lần Chúa-thượng thất thế, chạy phiêu bạt khắp nơi, thiếp tôi không khỏi đau lòng khi nghĩ tới sự chìm nổi của một vị anh hùng nặng lòng hy sinh vì nước.*

Tâu Chúa-thượng, thật là một sự không ngờ cho thần thiếp được tiếp đón Chúa-thượng ở nơi bần hàn, nhà tranh vách đất. Đêm kia, trong lúc Chúa-thượng đương an giấc điệp, vô tình thiếp đã phát quốc-bảo và xem rõ được vương-hiệu. Thần thiếp lòng đau như xé, không ngờ thế-lực của Chúa-thượng đã bị quân Minh phá tan tành, nên phải lần lút ở nơi thôn dã. Thật là vinh hạnh vô cùng : thiếp được một bậc chí tôn lưyến ái. Cái ân-huệ đó muôn nghìn đời, thiếp vẫn không quên. Song thiếp xét thấy mình hèn, trí kém không xứng với cái ngôi cao-quý ấy và thiếp không bao giờ dám mơ tưởng tới cái diễm-phúc lớn lao mà Chúa thượng sắp ban cho.

« *Thiếp không có quyền hưởng vì thiếp không có quyền làm ngừng bước đường cứu quốc của một vị anh-hùng. Là phận nhi-nữ, thiếp đã không giúp ích gì được cho nước lẽ nào thiếp lại cản-trở công việc to tát của Chúa-thượng để riêng hưởng sung-sướng một mình !*

« *Tâu Chúa-thượng, bên tai thiếp còn nghe thấy những tiếng tàn-ác của quân Minh, những lời oán than của dân-chúng, thì thiếp vui sao được trước những cảnh đau lòng đó ?*

« *Chúa-thượng hãy tha lỗi cho thiếp vì đã phụ lòng Chúa-thượng. Dù sao, thiếp cũng chỉ là một người con gái nghèo-hèn. Sau này, trên đường anh-dũng, Chúa-thượng còn gặp những bậc anh-thư có tài, sẵn sàng gánh vác chung cái trách nhiệm nặng nề ấy.*

« *Chúa-thượng hãy quên người thiếu-nữ vô danh ở nơi thôn-dã ấy đi, để hăng-hái bước lên đường. Bao nhiêu anh hùng hào kiệt đang chờ đợi Chúa-thượng, bao thần dân ngày đêm đang mong mỏi Chúa-thượng đem lại cho cảnh-tượng thái-bình.*

« *Rồi đây, dù có xa cách Chúa-thượng muôn nghìn dặm, trong thâm tâm thiếp vẫn giữ mãi lòng tưởng vọng tới bậc chí-tôn và cầu-nguyện ngày vinh quang của Chúa-thượng chóng đến.*

« *Hãy quên thiếp mà vui vẻ đi trên con đường « trung nịch, cứu phần », làm trọn thiên chức thiêng-liêng đối với dân nước.*

« *Tâu Chúa-thượng, đó là những lời thỉnh cầu của người thiết-tha yêu-mến Chúa-thượng.*

« *Vạn bái,...* »

Bình-định vương quay lại, nhìn về phía Hoàng-mai với một dáng vẻ đăm-đăm, thắc-mắc...

TRÚC YÊN-SƠN

Các bạn thiếu-niên vừa bước chân ra khỏi học đường đừng bỏ qua mà chẳng đọc :

« *Tiền và thương mài* »

và

«*Chiến thuật con buôn*»

Nó là loại sách thiết-thực ASAU và cũng là bạn thân của những người có chí và có máu Annam đứng-đắn.

●

MAISON ASAU

72, Rue Chaigneau, Saigon

ĐÃ CÓ BÁN :

THO' HÀN MẶC TỬ'

— Những bài thơ chọn lọc của nhà thi sĩ thiên tài mà cái chết đã làm sôi nổi dư luận thi-giới và văn - giới Việt Nam.

— Đã có 7 cuộc diễn thuyết, 5 tờ báo pháp văn, 7 tờ báo quốc ngữ và 2 cuốn sách phê bình về thi văn và thân thế thi sĩ.

Sách in rất đẹp tại một nhà in lớn ở Hà-nội — Họa sĩ Phạm Tú Minh họa và trông nom về phần mỹ thuật

ĐÔNG PHƯƠNG xuất bản

227 — P. Blanchy — Saigon

Đang in

VIỆT - NAM CỔ VĂN-HỌC SỬ'

tác giả Nguyễn đổng-Chi, *tựa của* Trần-v-Giáp

Lời bạt của HUỲNH THÚC-KHANG

500 *trang toàn những tài liệu văn học rất qui, soạn theo một phương pháp rất khoa học — Giá* 4p.50

Ai gửi tiền mua trước ngày 1er Octobre 1942 sẽ được trừ 10 %. và không phải trả tiền bưu phí Thư và tiền gửi về M.

e Directeur HÀN-THUYÊN XUẤT - BẢN - CỤC

Rue Tien - Tsin — Hanoi

VŨ-NGOC-HAN

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

Toàn bộ 4 quyển — Mỗi quyển 2p
Loại sách đẹp giấy lụa đó 10p

Đã có bán quyển I

Những nhà văn hồi mới có chữ quốc-ngữ — Nhóm « Đông - dương tạp chí » — Nhóm « Nam-Phong tạp-chí ».

Có 12 bức ảnh các nhà văn

Xuất bản trong « Tủ sách Tao Đàn »
Nhà Xuất-bản Tân-Dân

Mua sách xin gửi tiền trước, cả cước mỗi quyển là 0p30.

Không gửi lĩnh hóa giao ngân

Mandat gửi về : Nhà in Tân-Dân
93, Phố Hàng Bông Hanoi

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng — Administrateur Gérant : Dương Tu-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi